



LIÊN-HOÀ

NGUYỆT SAN



SỐ 5 NĂM THỨ MƯỜI



LIÊN-HOẠ NGUYỆT-SAN



Chủ-nhiệm : THÍCH ĐÓN - HẬU
Tổng Thư-ký: THÍCH ĐỨC-TÂM Quản-lý: THÍCH NỮ DIỆU-KHÔNG
Tòa-soạn 66 Chí-Lãng - Hộp thư 24 HUẾ

P.L. 2508 - RẪM THÁNG 5 NĂM GIÁP-THÌN (24-6-64)

Thông-bạch Phật-Đàn 2508

Cần đề phòng, cảnh giác...

Diễn từ của Hòa-Thượng Thích-Tĩnh-Khiết

Bệnh cuồng tín

Thư về Huế

Văn tế Hòa-Thượng Quảng-Đức

Lửa ngả tư đường (thơ)

Phỏng-vấn Đại-đức Sangharakshita

Nara trong ngày Phật-Đản (thơ)

Khát vọng

Vườn thơ đạo lý

Quan-điểm hành-động . . .

Vị pháp thiêu thân (thơ)

Thư Sài-gòn

Phật-giáo Tây-phương

Nguyện cầu (thơ)

Những giòng nghệ-thuật

Đại-lễ Phật-Đản 2508 tại Huế

Điềm-báo

Tin tức

Liên-Hoa

Tĩnh-Như

Thích Tri-Quang

Thích Thiện-Trí

Tường-Phong

Thích Thiện-Chân

Huyền-Không

Nguyễn-Thị

Nguyễn-Hạnh

Nguyễn-Thái

Bích-Sa

Tuệ-Mai

Thích Tri-Chơn

Tôn-Nữ Hỷ-Khương

Thạch Trung Giả

Đ.P.V.

Ủy Khanh

Giá báo một năm :

● Trong tỉnh : 110\$ — Ngoài tỉnh : 120\$

● Công-sở và ngoại-quốc 240\$.

THÔNGIỆP

CỦA ĐỨC TĂNG - THỔNG GIÁO - HỘI
PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM T.N.
NHÂN ĐẠI LỄ PHẬT-ĐẢN 2508

Nhân Phật-đản năm nay gọi lại tất cả hình ảnh của Phật-đản năm ngoái và cuộc vận động của Phật-giáo Việt-Nam tiếp theo sau đó. Tôi thành kính cảm ơn tất cả mọi sự ủng hộ chúng tôi xuất phát từ trong nước và ngoài nước. Từ quảng đại quần chúng cho đến những người trí thức thiện hữu, trong đó đặc biệt có các tôn giáo khác.

Tôi thành kính gọi lại hình ảnh hy sinh của các Phật-tử và sự tự thiêu của liệt vị Tăng Ni, đặt cao ngời vị Bồ-tát của các Ngài trong tâm khảm Phật-giáo-đồ Việt-Nam.

Tôi tập hợp tất cả mọi hy sinh và nỗ lực của Phật-giáo-đồ Việt-Nam, hiến dâng lên Đức Điều-Ngự nhân ngày kỷ niệm Ngài, lần thứ 2.508, trở về với dân tộc Việt-Nam đau khổ.

Phật-giáo-đồ Việt-Nam đã hy sinh để bảo vệ chính-pháp, để vận động tự do tín ngưỡng và Tôn-giáo bình đẳng. Tuy nhiên, những sự khó khăn trong nhiệm vụ bảo vệ Chính-pháp và xây dựng nền Đạo-giáo dân tộc không phải là đã hết. Tôi kêu gọi toàn thể Tăng-đồ và Tín-đồ Việt-Nam, không kể Nam-tông hay Bắc-tông, không kể trong hay ngoài tổ chức thống nhất hiện hữu, hãy đoàn kết hơn nữa, nghĩ đến nguy cơ của Phật-pháp và dân tộc mà thương nhau và nỗ lực.

Ngẫm nghĩ luôn luôn đến nguy cơ của đất nước, thân hữu với các Tôn-giáo cần chăm nhìn vào các âm mưu tiêu diệt Phật-giáo và dân tộc sau hết, chiêm nghiệm sự hy sinh cao cả của người đã khuất, với những điều đó, Phật-giáo-đồ Việt-Nam biết tán thành những chính sách tốt và biết chống đối những chính sách xấu; làm cho Phật-giáo tồn tại trong cương vị Tôn-giáo và làm cho dân tộc an lạc trong cương vị hòa bình.

Đó là tâm nguyện mà Phật-giáo Việt-Nam hiến dâng lên Đức Điều-Ngự trong Đại lễ hôm nay.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Cần ĐỀ PHÒNG, CẢNH GIÁC...



LIÊN-HOÀ

HIỆN nay, dù có ai bi quan bao nhiêu, cũng phải công nhận rằng, khí thế Phật-giáo đang lên, nhất là xem lễ Phật-Đản vừa rồi. Sau giai đoạn bị đàn áp vừa qua, và trước thái độ bình tĩnh hiền hòa của Phật-giáo-đồ trong cuộc vận động cho năm nguyện vọng, quốc dân đồng bào tất phải có cảm tình, nếu không thì cũng không thể đứng đống đối với Đạo Phật được. Nhưng, bao giờ cũng thế, phong trào càng lớn mạnh, thì khó khăn lại càng nhiều; và bởi thế những người lãnh đạo, cũng như những người có liên hệ trong Tổ-chức và toàn thể Phật-tử, cần phải sáng suốt, và đề phòng trước những mưu mô độc hiểm có thể làm nguy hại cho Phật-giáo. Hiện nay chúng ta cần phải đề phòng những hạng người sau đây.

— Những kẻ thất thời, vì mặc cảm... nên mặc dù không ai đề ý hay động chạm đến họ, họ vẫn vu khống, xuyên tạc đặt chuyện nói xấu, xây dựng chung quanh những người lãnh đạo, những mẩu chuyện có hại cho uy-tín những vị ấy. Họ làm như thế cốt tạo ra một không khí nghi ngờ, chống báng chia rẽ trong nội bộ chúng ta.

— Những kẻ đã có một hành động hay thái độ bạc bẽo, trong cuộc vận động vừa qua, mặc dù ngày nay Phật-giáo-đồ đã rộng rãi bỏ qua, nhưng vì mặc cảm tội lỗi, họ tìm kiếm,

mọi mớ những lý lẽ này, lý lẽ nọ, để gián tiếp tự bào chữa cho mình.

— Những kẻ tay sai của chế độ cũ, mong chạy tội, đã hăng hái hơn ai cả, nhảy vào tồ-chức múa men, quay cuồng, không cần biết chủ trương, đường lối của Phật-giáo như thế nào, miễn sao tỏ cho người khác biết mình đang hoạt-động mạnh cho Phật-giáo là được. Họ đã dùng Phật-giáo như một cái kiếng, một bộ giáp để tự vệ.

— Những kẻ lợi dụng khí thế đang lên của Phật-giáo: để khếch trương quyền lợi, địa vị cá nhân, hay đoàn thể của mình.

— Những kẻ muốn lôi kéo Phật-giáo đi theo xu hướng, bè phái của họ, nhưng không được; nên đã xuyên tạc, nói xấu những người đang thành tâm phục vụ cho Phật-giáo.

— Những kẻ vô thẩm quyền, nhưng muốn tỏ cho người khác thấy mình quan trọng, đã dựa vào một địa vị hay một cá nhân nào đó, tự xưng thần thánh, tuyên bố lung tung, băt chấp chủ trương, đường lối mà Giáo-hội Phật-giáo đã đề ra, và làm cho không ai còn hiểu lập trường của Giáo-hội là thế nào cả.

Và còn bao nhiêu hạng người nguy hiểm, còn nhiều mưu mô khác nữa, nhưng chúng tôi xin tạm dừng lại đây, đề phòng cảnh giác, hầu tránh những âm mưu hiểm độc, thương tổn lớn lao cho Phật-giáo nước nhà, cho nền đạo đức dân tộc...

Chúng tôi xin hẹn có dịp sẽ đặt lại vấn đề này một cách rõ ràng hơn nữa.

DIỄN - TỪ

của Hòa Thượng THÍCH TỊNH-KHIẾT
đương kim Tăng-Thống

*Kính bạch chư Đại-đức Tăng, Ni,
Chư quý Phật-tử nam nữ,*

Trong Kinh Hoa-Nghiêm có câu: «Tự bảo có thể đảm nhiệm Phật-Pháp giáo hóa chúng sinh mà không xả bỏ được một phần thân thể, lẽ ấy không có được». Kinh Pháp-Hoa — bộ Kinh tột đỉnh của Phật-giáo — còn dạy rằng tất cả những gì của con người đều là những khả năng và công cụ làm cho con người cuối cùng đạt đến quả Phật. Một trong những khả năng và công cụ ấy là ý nguyện dúng liệ» hay «chân tinh tiến» mà biểu hiện là sự thiêu đốt thân thể. Ai thắng được bản năng tự vệ mà xả bỏ tự thân, người đó đáng tôn xưng là Bồ-tát mà bước cứu cánh là đắc Vô-thượng Chánh-dăng Chánh-Giác.

Vì thâm nhiệm hạnh tối thắng xả thân ấy nên từ xưa đến nay, biết bao vị cao Tăng đã tự lên «giàn hóa». Tuy nhiên, trường hợp của Hòa-Thượng Quảng-Đức mà hôm nay chúng ta long trọng thiết lễ cầu-siêu, là một trường hợp đặc biệt và hy hữu.

Bảy ngày sau khi «phong trào vận động cho 5 nguyện vọng của Phật-giáo» phát khởi, Hòa-Thượng Quảng-Đức là một trong ba vị Tăng và Ni đã tình nguyện hiến thân. Một tháng sau đó, lúc thấy là cần thiết, Hòa-Thượng Quảng-Đức lại là người đầu tiên quyết lấy ngọn lửa hồng làm sáng tỏ tính cách trắng trong và thuần tôn-giáo của phong trào.

Lòng cương quyết ấy đã anh linh biểu hiện vào buổi sáng ngày 20 tháng tư nhuận Quý-mão (tức 11 tháng 6 năm

1963) tại ngã-từ đường Phan-dình-Phùng và đường Lê-văn-Duyệt, Sài-gòn, trước kinh ngạc và thần phục của muôn người. Trong ngọn lửa ngùn ngụt tự tay Hòa-Thượng châm vào mấy lớp cà-sa tầm xăng, Hòa-Thượng kiết già phu tọa, yên tĩnh như dưới làn gió mát. Đến khi lửa hạ ngọn, toàn thân vẫn an trụ như một pho tượng đồng đen, rồi, như để giả từ trên tám trăm vị Tăng Ni và hàng vạn công chúng bao vây kính lạy dưới cát bụi, Ngài cúi đầu gặt ba lần, trước khi bật ngã ra sau.

Hôm nay, khi tôi viết những lời này gửi đến toàn thể Tăng, Ni và Phật-tử, nhục thân của Hòa-Thượng đã được hóa thiêu bốn ngày rồi, tại An Dưỡng-Địa, ngoại ô Thủ-đô Sài-gòn. Xá-lợi thu nhặt được gồm có một quả tim đốt hai lần không cháy chỉ tóe nhỏ lại thôi, nhiều màu xương cứng không cháy có màu sắc tốt đẹp, và một mớ tro. Tất cả hiện được tôn trí và phụng thờ tại Chùa Xá-Lợi, trụ-sở của Tổng-Hội, đợi ngày phân chia và niêm vào Tháp cho thập phương chiêm bái.

Đây là một gương Đại-hùng Đại-lực, tinh-tiến bất chuyển mà chúng ta thường nghe nói, nhưng đến nay mới có một số ít được chứng kiến. Phối hợp với những hy-sinh khác của Phật-tử khắp nơi trong nước cái chết vô-úy của Hòa-Thượng Quảng-Đức là một hồi chuông cảnh tỉnh cho mọi người, một tiếng gọi đàn cho hàng tứ chúng và một gương vị Đạo vong khu mà thế-giới đã cảm động bái phục.

Tôi chỉ thành đánh lễ vị Bồ-tát hóa thân và khấn nguyện Bồ-tát từ bi gia hộ cho toàn thể Tăng Ni càng thiện tín luôn luôn đoàn kết chặt chẽ trong ý-chí bảo vệ Phật-giáo để đem lại sự an-lạc và công-bình cho đồng-bào quốc dân.

Nam-mô Đại-hùng Đại-lực Quảng-Đức Bồ-tát

-
- Bài Diễn văn này đã đọc trong Lễ thọ tang tại Chùa Xá-Lợi và các Chùa lớn khắp nước năm ngoài (1963).

Bệnh cuồng tín



TINH-NHU

MỘT trong những căn bệnh của thời-đại chúng ta hôm nay là bệnh cuồng-tín. Đó là căn bệnh của những hạng người chỉ muốn độc-quyền chân-lý và muốn khuynh-loát tất cả mọi hệ-thống tư-tưởng không cùng xuất-phát từ một nhận-thức với mình. Hậu-quả của căn bệnh đó là những cuộc tranh chấp đờ máu, biến con người trở thành dã-man ngang hàng với cầm thú.

Đối với Phật-giáo, chân-lý và nhận thức về chân-lý là hai vấn-đề khác nhau. Không thể nào lăm lăm ngón tay chỉ mặt trăng với mặt trăng được. Tôn-giáo, kinh-điển, giáo-hội, lời vàng ngọc của giáo-chủ đều là những ngón tay chỉ mặt trăng, hướng dẫn ta hội-nhập chân-lý, chứ không phải là chân-lý đích thực. Đó chỉ là những con thuyền giúp ta đến bờ, những phương-tiện giúp ta đạt đến cứu cánh. Chân-lý chỉ bắt gặp hiện-thực, khi ta thể-nghiệm về nó. Bệnh cuồng-tín là bệnh đã lấy thuyền làm bờ, lẫn lộn cứu cánh với phương-tiện, nhầm lẫn chân-lý với những nhận-thức về chân-lý. Một khi đã có sự nhầm lẫn ngu-mụoi và nguy hại đó, thì tôn-giáo, triết-lý không còn phụng-sự cho chân-lý và con người nữa, mà trái lại con người phải phụng-sự giáo-điều, phụng-sự đoàn-thề. Chân-lý không còn mang ý-nghĩa của sự lựa chọn, thao thức, khoáng đạt mà ngược lại chỉ là sự nô lệ đầy trời buộc.

Lẽ dĩ nhiên, chân-lý là chân-lý, chỉ có một. Không có chân-lý của riêng anh, riêng tôi, của người theo chúa Ki-tô

hay của người con Phật. Nhưng sự miêu-tả chân-lý còn tùy-thuộc ở nhân-giới, ở vị-trí của người miêu-tả. Thực-tại thì rộng lớn, bao quát, vô hạn, vô cùng, mà mỗi người trong chúng ta, với những cái nhìn trực-diện, chỉ trông thấy được một phía. Chúng ta chẳng khác nào lũ trẻ con ngồi quanh lớp học, ghi lại hình dáng chiếc lồng đèn giấy có nhiều mặt và nhiều màu. Ở đầu này, đứa bé này trông thấy ngọn đèn xanh. Ở đằng kia, đứa bé kia trông thấy ngọn đèn đỏ. Bản thân của chân-lý là toàn bộ, toàn diện, toàn thể, nhưng chân-lý sẽ trở nên thế này, thế kia là tùy theo nhận-thức và phương-hướng chúng ta.

Thế thì tại sao chỉ có chân-lý của riêng ta — thật ra chỉ là những nhận thức về chân-lý — mới thật là chân-lý, còn bao nhiêu nhận thức chân-lý của mọi người đều là giả-tạo, hư ngụy, cần phải quyền rũ, cải-hóa vô cùng ép? Tại sao muốn qua sông, ta phải ép buộc người khác dùng thuyền, trong lúc còn có bao nhiêu phương tiện khác. Ta nhân danh gì, Thượng-đế, giáo-hội hay Đức Phật mà phá-hoại mọi phương-tiện chuyên chở của đồng-loại cùng hướng đến chân-lý để chỉ độc-quyền có mỗi một phương-tiện của riêng ta. Xã-hội tự do và văn-minh đâu phải là một thị-trường để cho ta tiêu-thụ tin-ngưỡng như tiêu-thụ một loại hàng hóa. Thái-độ và hành động cuồng-tin đầy xuẩn-động đó, trước hết đầy ta cách xa chân-lý, như loài ốc biển giam mình trong vỏ cứng, không thấy được sự rộng lớn của đại-dương. Và sau hết, là thái-độ và hành-động phản bội lại chân-lý, phản bội lại giáo-chủ, phản bội lại hoài bảo phụng sự chân-lý, phản bội lại sinh-hoạt tiến-hóa của con người.

Người Phật-tử, hơn ai hết, phải tự mình chữa lấy căn bệnh cuồng tin cho chính mình, nếu muốn đi gần đến chân-lý đích thực. Chân-lý không thể tìm thấy trong văn-kiến, trong kinh điển, trong những lời hướng dẫn của Đức Phật và bất cứ của ai, mà chỉ tìm thấy trong sự thể nhập vào thực tại vô cùng để thực nghiệm lấy. Nếu người Phật-tử xác nhận chúng sanh đều có Phật-tính, đều có khả-năng trí-tuệ Bát-nhã, thì Phật-tính ấy, khả-năng trí-tuệ Bát-nhã ấy đều có thể tìm thấy ở một người theo Hồi-giáo hay một

người tin đạo Bà-La-Môn. Nếu người Phật - tử xác - nhận thực-tại toàn diện này vốn là chân - như, diệu dụng của chân-như, thì tất cả mọi sinh-hoạt tạp-dạ từ Hữu-thần đến Vô-thần đều là diệu dụng của chân-như cả, đều là sinh-hoạt muốn màu của một thực-tại cả. Thế thì tại sao, người Phật - tử lại không tìm được ý-niệm Đồng trong bất-đồng, Bình-đẳng trong bất-bình-đẳng, chân-thực trong dị biệt trùng trùng vô tận, để trao-đổi, đối-thoại, chấp-nhận những sinh-hoạt tôn-giáo khác bên cạnh sinh-hoạt của tôn-giáo mình. Sự thỏa thuận êm đẹp của Nho-Thích-Lão, tam giáo đồng tôn, trong các triều Trần, Lý đã không mang cho tôn-giáo những màu sắc rực rỡ tốt đẹp đó sao? Không mang cho dân tộc một sức mạnh đoàn kết đó sao?

Phật - giáo không phải là một tôn - giáo nó lệ vào kinh điển, giáo điều. **Phật - giáo là tất cả, mọi sinh - hoạt phụng sự con người và hướng đến chân-lý.** Do đó, Phật - giáo không chống đối mà chấp nhận mọi sinh-hoạt khác, miễn phụng sự con người và đưa đến cứu cánh chân lý là được. Chính vì vậy mà ta không ngạc nhiên khi nghe thấy « **Phật pháp bất ly thế gian pháp; Phật pháp tức thị thế gian pháp** » (Phật pháp chẳng rời sinh-hoạt của thế gian; Phật pháp chính là những sinh - hoạt thế-gian vậy).

Nhân loại đã khổ đau rất nhiều vì lòng vị-kỷ, vị-ngã, Bản-ngã và mọi sở hữu của nó, chính là cứ-điểm đã xuất phát mọi cuồng nộ, hận thù. Giáo-hội, đảng phái, đoàn thể, giáo-điều, những nhận thức về chân - lý, đều là những sở-hữu của bản-ngã và chỉ là một thứ bản-ngã được nói rộng, khuếch đại và thổi phồng lên đó thôi.

Cường tín chỉ là một thứ bản - ngã trá hình. Nó hẹp hòi trước sự mệnh vị tha của tôn giáo. Nó biến Nhân-ái thành bạo tàn, Thiên-thần thành Quỷ dữ, Biển Địa-đường trần gian thành miền Địa ngục.

Hãy cầu nguyện cho nhau nhờ sạch được gốc bệnh cuồng tín. Để người nhìn nhau với đôi mắt thật Người, mà không phải là hùm beo, lang sói. Để sinh - hoạt đại-đồng cùng nhau thăng hoa trong một thực-tại vô cùng vô tận.

Thư về Huế

Huế đã là nơi tôi học Phật và phục vụ Ngài. Trong quá khứ, tôi liên hệ với Huế chỉ có thể. Ngày nay khác, Huế đã là nơi, cách nay một năm đúng, tôi cùng Phật tử nói lên tiếng nói đầu tiên đề báo vệ lá cờ của Chánh pháp, vận động chấm dứt chính sách bất công trong tín ngưỡng, tiếng « THẦY » được kêu lên trong khi chết chóc, trong cơn điên loạn, trong những ngày Tà Đàm bị bao vây như bao vây và tấn công một chiến khu, tiếng « THẦY » được gọi lên trong nước mắt và máu, tiếng « THẦY » đó tôi biết Phật tử Huế đã dành cho tôi. Chúng ta cũng tưởng sau đó thì đời sống êm đềm đạo vị mà chúng ta khao khát, chúng ta đã có thể có được. Ai ngờ sự vận động đề cải thiện chính sách thực đã không đơn giản như chúng ta tưởng. Đảo chính quá dễ nhưng cách mệnh quá khó. Hóa nên đời sống hiện tại của chúng ta và của tín ngưỡng chúng ta gần như vẫn ác mộng giống quá khứ và chưa chùng mà tiếp tục cả đến tương lai. Do đó mà Phật Đản 2508 vẫn gọi lại Phật Đản 2507, với một số vấn đề liên hệ hoàn toàn đến « Ý THỨC PHẬT TỬ ». Và nếu phải chọn lựa một lúc nào đó để nhận định và nói lên ý thức ấy, thì cái lúc ấy chính là Phật Đản năm nay đây.

Nỗ lực và nỗ lực một cách liên tục để chấm cho dứt những chính sách không phù hợp với sự sinh tồn của Dân tộc và Phật giáo, phát triển

Phật giáo bằng sự thực hiện của bản thân mà không bằng cách làm thương tổn các tôn giáo khác, càng nêu cao đức tính Từ Bi bao nhiêu thì lại càng thực hiện đức tính Vô Úy bấy nhiêu: đó là « Ý THỰC PHẬT TỬ », đơn giản vô cùng nhưng khó khăn vô tận. Cộng thêm với ý thức này, Phật tử Huế phải biết đến sự khó khăn mà đạo pháp đang chịu đựng và đương đầu, phải biết bình tĩnh nhưng cảnh giác đối với những âm mưu phá hoại bằng nhiều hình thức, thực hiện bởi nhiều cách thức, đã có và sẽ còn có nữa. Phật tử Huế phải biết rằng mình phải làm cho đạo mình « KHÁC » đạo kẻ khác, chứ không phải làm cho đạo của mình « HƠN » đạo kẻ khác — « KHÁC » ở chỗ nêu cao và thể hiện cho được sự khoan hồng và độ lượng của đức tính Từ Bi, dầu phải thiệt thòi đến cao độ.

Phật tử Huế phải tự mình nói lên cái « Ý THỰC PHẬT TỬ » trên đây. Phật tử Huế hãy làm sáng tỏ cái « Ý THỰC PHẬT TỬ » mà hiện thời thế giới đang nghĩ một cách rất đúng, rằng muốn hiểu một cách chính xác về ý thức ấy thì hãy nhìn vào Phật tử Huế.

Chính đó là nghĩa vụ tiền phong mà Phật tử Huế có thể làm như đã làm trong cuộc vận động vừa qua. Và bằng cách đó mà hiện cúng Đức Phật trong ngày kỷ niệm lần thứ 2508 của Ngài, thì thực là việc mà Phật tử Huế cần có, phải có và có được, tôi tin như vậy.

Thượng Tọa TRÍ QUANG



HÒA-THƯỢNG QUANG-ĐỨC

NHÂN DỊP LỄ TIÊU TƯỜNG CỦA NGÀI

THÍCH THIÊN-TRÍ

HỒI ƠI!

Phật pháp lâm nguy, tăng đồ thọ nạn!
Bóng hào quang năm sắc xủ mờ;
Nét thanh sử nghìn thu ghi sáng,
Thiên ma gây oán, hạ Giáo-kỳ chấn động thiền lâm
Bồ-tát thiêu thân, soi đuốc tuệ quang huy Giác ngộ
Nhờ Giác linh xưa:
Tu sĩ xuất gia, Tỳ - Kheo hùng lực
Xã phú cầu bản, tiến thân lập đức
Bảy mươi ba tuổi đời thoát tục, luyện nếp từ-bi
Ba mươi mấy tuổi đạo quy y, trau niêm nhần nhục
Chắc hẳn tu là cội phúc, thân dầu nung dưới
mái Quan - Âm
Cho hay đạo sân nơi tâm, lòng những hướng
về miền Tây vức.
Nào phải yếm trần tiêu cực, dựa thiền môn vay
nợ thập phương
Vốn nguyên tể độ hoằng dương, đem chánh pháp
xây nền tam đức
Những tưởng tuổi già sức bạc, thân lão sư yên
với cửa thiền
Nào dè đất lở trời nghiêng, máu thiện tìn đổ
trần đất Phật
Thương bấy kẻ chết oan chết ức, chết sao mà
thịt nát xương tan
Tủi cho người sống dở sống dang, sống đành
chịu tâm hèn chí nhục,
Nước sông Hương sùi sụt oán hơn kia ai tát cho voi
Trời bến Nghé ngậm ngùi, thương liết nợ ai ngân cho đứt
Năm yêu sách có chi là quá mức, chỉ đời tu cho dặng
tự - do
Lắm mưu mô quả thực là hồ đồ, nên phải tính
quyết mà tuyệt thực.

Trước Quốc hội phân trần nguyện lực, biểu tình
cùng Quốc - tế quốc dân.
Trong thủ - đồ hành nhiều Ni Tăng, tranh đấu đúng
thủ mưu thủ tục.
Chỉ có tâm đầy cương trực, hai tay không với bộ
ngực xếp ve.
Nhưng mà ý chẳng rụt rè, một chí quyết với tấm
lòng uất ức.
Trời sớm tối giông mưa hăm hực, mà hỏi ai có
chút động tâm
Trắng ngày đêm tụng niệm vang ngân, chỉ cầu Phật
gia thêm nguyện lực
Không võ khí dễ đánh thủ thức, tay không ai tranh
đấu hơn ai
Có hùng tâm âu quyết tính bài, người có đức biểu
dương tỏ đức
Giữa chốn thanh thiên bạch nhật, đội đầu xàng làm
nước Dương - chi
Chính nơi đại - lộ tứ kỳ, nhận đường cái thiêu thân
nghiệp thức
Lửa tam muội nêu gương bắt khuất, kiết già tỉnh tọa
uy nghi.
Thề lục căn vững chí kiên trì, nhập định tham-thiền
điều lực
Thân tứ đại hướng dăng chư Phật, đốt lên thành
ngọn đuốc Từ quang
Cảnh thập phương tung ánh đạo tràng, phất phôi
lại là cờ ngũ sắc
Thế mới tỏ đục trong trong đục, trong nhà ngoài
nước ngoại ca
Thế mới hay tà chánh chánh tà, kẻ giáo người
lượng tri thức
Hy sinh vậy rạng gương công đức, xã huyện thân
trở lại Niết - bàn
Thoát tử rồi đề dấu trần gian, nương diệu quả
lui về Phật Quốc
Việc trần cấu trả về cho trần tục, cầu giác linh
an lạc siêu thăng
Nghĩa Tăng đồ giao lại cho Ni Tăng, nguyên chánh
pháp hoằng truyền liên tục
Nay Tăng tín đồ Phật giáo thống nhất
Một dạ chí thành, hương hoa ngào ngạt, dâng Giác-
Linh truy niệm tiêu tường
Tất lòng ngưỡng vọng, đức hạnh thuần lương, cầu
đạo nghiệp miên trường thống nhất
Kính mong oai đức từ bi chiếu giám.

L
Ử
A

LỬA ở phương trời bay đến đây
Linh lung chói sáng bốn phương này
Ngà tu đường cái thiêng liêng đó
Lửa ở phương trời vang đến đây

N
G
À

BÀN tay bắt quyết ngục A-Tỳ
Súng đạn thay bằng tiếng trúc-ty
Thiết-giáp xe tăng cùng phủ phục
Trần-gian bỗng rộ Lửa Từ-Bi

T
Ư

ÁO vải cà-sa vàng thừ lửa
Châu-thân tòa đẹp ánh Hùng-Bi
Bàn tay bắt quyết truyền tâm ấn
Tứ chúng quý xin, lệ thấm mí...

Đ
Ư
Ờ
N
G

LỬA ngà tu đường bay đến đây
Lấy-lừng gió thổi đuổi mây bay...
Quả Tim Bồ-Tát còn nguyên sắc
Lửa đốt không tan thánh-thiện này

LỬA đốt! hương bay tám hướng trời
Dù cho năm tháng nguyệt đầy voi
Quả tim thánh-tử từ đây mãi
Chỉ đạo bằng tim mấy triệu người!

TƯỜNG-PHONG

Phòng văn Đại đức Sangharakshita

tại Hy mã Lạp sơn

THÍCH THIÊN CHÂU

CŨNG như năm ngoái, hè năm nay chúng tôi đi tránh nắng và lên ở tại « Tam thừa cộng tiến », một ngôi chùa nhỏ treo lơ lửng giữa một sườn núi cao trong vùng Hy-mã-lạp-sơn. Chùa gồm có một chánh điện và hai cái nhà tranh nhỏ được bao bọc bởi những hàng trúc mềm mại thì vị, những cây tùng mười xanh cao vút. Ngoài Đại đức Sangharakshita là trụ trì chùa còn có vài vị Lạt ma và 3 em Tây-tạng và Nepal tập hành điện. Cảnh sương sa, mây phủ của núi rừng ở đây, đối với chúng tôi, là một nguồn vui vô tận:

*« Mây phủ đều non mờ điện vắng.
Ngàn hoa hoan hỷ đón sương bay.
Thông xanh ca ngợi đời trong lặng
Trong gió khoan thai những bóng vàng »*

Trong những đêm trăng sáng, Kanchenjunga — năm kho tuyết của Hy-mã-lạp-sơn — hiện rõ với những chớp màu trắng ngà giữa cảnh rừng núi xanh mờ, bao la, người ngắm trăng xem núi có những ước muốn lạ lạ hay hay:

*Kanchenjunga
Đêm trăng trắng ngà
Nguyện ước ta là
Kanchenjunga. (1)*

Cuộc sống của chúng tôi ở đây thật an bình thanh thoát. Ngày ngày, ngoài hai giờ tụng kinh và thuyết định, chúng tôi được hoàn toàn yên tĩnh đọc sách, ôn bài:

*Khách đến thăm am một buổi chiều.
Cửa đóng, người không cảnh tịch liêu*

(1) Trong bài Hy-mã-Lạp-Sơn

*Nghe hương lặn đến nhìn khe cửa
Tĩnh tọa thuyền sư giải thoát nhiều!*



Bức thư thúc bài của Đại-đức Đức.Tâm gần đây gợi lên trong tôi một ý nghĩ: viết một bài giáo lý sống động bằng cách làm một cuộc phỏng vấn Đại-đức Sangharakshita một vị ẩn sĩ nhiệt thành có nhiều uy tín đối với Phật-tử Ấn-độ và Thế giới. Trong một buổi điếm tâm tôi đề đạt nguyện vọng này lên Đại-đức. Đại-đức hoan hỷ nhận, lời và hẹn ngày giờ. Sáng ngày 7 tháng 5 vào lúc 9 giờ chúng tôi đến phòng của Đại-đức. Người niềm nở mời chúng tôi ngồi và cuộc phỏng vấn được bắt đầu với câu hỏi sau đây.

1) Kinh bách Đại-đức, theo thiên ý, ở Á-đông, nhất là các nước Phật-giáo, sự trở thành Phật-tử và xuất gia tu hành không khó lắm vì có rất nhiều thuận duyên. Nhưng ở Âu-mỹ, nơi mà Phật-giáo chưa được phát triển mạnh và ảnh hưởng sâu trong đại chúng thì sự trở thành Phật-tử và xuất gia tu hành của Đại-đức quyết phải có một nguyên nhân kỳ lạ nào thúc đẩy. Xin Đại-đức từ vấn cho chúng tôi được biết rõ!

— Nghe xong câu hỏi có vẻ dài dòng của chúng tôi, Đại-đức vui vẻ trả lời «Thưa Đại-đức! Như Đại-đức biết, tôi là người Anh. Tôi sanh năm 1925 tại Luân-đôn. Tôi sống trong xã hội có nhiều phong tục của Thiên-chúa-giáo. Bà ngoại tôi rất ngoan đạo. Lúc nhỏ tôi cũng thường đi nhà thờ với ngoại. Vì ốm yếu nên tôi không thích giao du với bạn bè và tham dự những trò chơi như đá bóng, bơi lội v.v... Tôi thường ở nhà đọc sách trong những ngày nghỉ học. Tôi ưa suy nghĩ và khát khao chơn lý. Tôi thích đọc sách tôn giáo vì nghĩ rằng tôn giáo là con đường tốt nhất đưa người trở về với chơn lý. Tôi đọc đủ cả các loại sách tôn giáo như Thiên-chúa-giáo, Tin-lành, Ấn-độ-giáo, Hồi-giáo, Phật-giáo v.v...

Nhưng vào năm 16 tuổi, hạnh phúc thay, tôi may mắn

được đọc kinh *Kim-Cang* và *Pháp-Bảo-Đàn*. Chính những chọn lý nhiệm mầu trong hai quyển kinh này đã định hướng cho tôi trong việc đi tìm chọn-ly. Từ đó trở đi, tôi chuyên đọc kinh sách Phật-giáo và cũng bắt đầu viết về Phật-giáo nữa. Tôi đã tìm, đến với hội Phật-giáo Luân-đôn và được Hội này hướng dẫn khuyến khích trong sự nghiên cứu giáo-ly. Tôi thọ Tam-qui, Ngũ giới với Đại-đức Utitthila, người Miến-điện, tại hội quán Hội Phật-giáo Luân-đôn. Lòng tin tưởng vào Phật, Pháp, Tăng của tôi lúc này thật là mạnh mẽ.

Đến năm 18 tuổi, theo luật nước, tôi phải đi quân dịch. Đời sống trong quân đội không thích hợp cho tôi trong công việc tu học. Nhưng tôi luôn luôn sáng suốt tự bảo: «Tôi là một Phật tử» Do đó, ngoài thì giờ tập luyện và làm việc, tôi vẫn tiếp tục đọc kinh sách. Từ khi trở thành Phật-tử, tôi thường ước nguyện được chiêm bái các Phật tích ở Ấn-độ và xem tận mắt đời sống của Chư Tăng và Phật tử ở các nước Đông Nam Á. Lúc bây giờ là lúc quân đội Anh được chuyển sang rất nhiều ở các nước thuộc Anh. Biện nghịch duyên làm tăng thượng duyên, tôi xin đổi sang Malaya, Ceylon rồi Ấn độ. Trong thời gian 3 năm, tôi được dịp tiếp xúc và học hỏi với rất nhiều Cao Tăng Đại Đức ở đây.

Đệ nhị thế chiến chấm dứt, tôi xin giải ngũ và ở lại Ấn độ để tìm hiểu Phật giáo. Càng đi sâu vào Chánh pháp, tôi càng ham thích và dành tất cả thời giờ, năng lực cho việc học hỏi nghiên cứu. Tôi thường nghĩ rằng muốn có thời giờ và phương tiện tốt để tu học nhất định phải xuất gia, sống một đời sống giải thoát. Nhưng bản tánh của tôi lại hay dè dặt cân nhắc trước khi nói và làm, nhất là đối với sự xuất gia, đời sống giải thoát cao thượng nhưng khắc khổ gian lao. Do đó, tôi đã dành trọn 2 năm để tập luyện và tự thử thách xem tôi có đủ năng lực để sống đời sống cô thân tịch ảnh và chiến đấu với nội tâm ngoại cảnh không. Với chí khí cương quyết, tôi

từ bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi và tập sống theo đời sống của khất sĩ tuy tới lúc bấy giờ, chưa là Tỷ-Kheo. Tôi không giữ tiền bạc và chỉ mang theo một bộ đồ dễ thay đổi. Tôi lang thang đi từ nơi này đến nơi khác, khi thì ngủ ở núi rừng, khi thì hang động, khi thì trong các đền vắng v. v. . . với một ý nguyện là mong được gặp minh sư thiện hữu và đồng thời mà luyện chí khí — Đã nhiều lần tôi suýt mất mạng vì cộp beo và đau ốm nhưng tôi không hề sờn lòng. Như một khất sĩ, không ai biết tôi và tôi cũng không muốn biết ai ngoài những kẻ có thể giúp tôi trên đường tìm đạo. Cuộc sống của thị thành bình như xa lạ và vô nghĩa đối với tôi lúc bấy giờ.

Suốt 2 năm trời, tôi sống đời sống «tâm thân ngoại vật» như thế. Rồi một hôm trong lúc tĩnh tâm xét mình tôi tự hỏi và câu trả lời dứt khoát được vang lên trong tâm tư tôi: «Tôi đủ sức chịu đựng tất cả những gian khổ để được sống đời sống xuất gia của Đức Phật và của đệ tử ngài». Câu trả lời ấy cũng là sức mạnh bảo tôi đi đến Saranath (Lộc uyển) nơi Phật thuyết pháp lần đầu tiên đó cho năm thầy Tỷ Kheo. Ở đây tôi được yết kiến vị chủ tịch hội Ma Ha Bồ-đề. Lời yêu cầu xin giúp đỡ cho tôi được xuất gia không được vị ấy lưu ý. Vị ấy không tin ở chí nguyện của tôi vì chỉ thấy bình thức ốm yếu, nghèo khổ rách rưới của tôi. Những lời nài nỉ của tôi cũng không có kết quả. Cuối cùng vị ấy hứa là sẽ trả lời cho tôi sau khi hỏi ý kiến ở Calcutta. Đợi mãi không thấy tôi bèn ra đi. (Nói đến đây, Đại Đức nở một nụ cười khoan dung và bảo chúng tôi dừng ghi đoạn trên. Song theo thiển ý, chúng tôi cần phải ghi lại những sự trở ngại trên đường tìm đạo của Đại Đức và cũng đề nói lên rằng: Phật tánh có nơi tất cả mọi người không phân biệt giàu, nghèo, Âu, Á v. v. . .) Lúc bấy giờ tôi buồn nhưng không nản. Tôi tự nguyện đi bộ đến Kusinara gần 500 cây số, nơi Phật nhập Niết-bàn và cũng là nơi Ông Tu hạc Đa-La được Đức Phật độ sau cùng sau khi Ngài A-nan không chấp nhận vì thấy Ông quá già yếu không thể hành đạo.

May mắn, tôi được gặp Đại lão Hòa-Thượng Chanda-
mani, người Miến. Người hoan hỉ chấp nhận lời thỉnh cầu
và làm lễ thỉnh phát và truyền thọ 10 giới Sadi cho tôi. Tôi
vui mừng không xiết vì tôi đã được trở nên một đệ tử xuất
gia của đức Phật. Tôi tu học tại Kusinara một thời gian.
Sau đó tôi xin phép Đại lão Hòa-Thượng đi chiêm bái ở
Lumbini và hành đạo ở Népal. Từ Kusina đến Lumbini, từ
Lumbini đến Népal tôi đều đi bộ. Ở Népal tôi gặp được
nhiều thuận duyên trong lúc hành đạo vì có nhiều đệ-tử của
Đại lão Hòa-Thượng ủng-hộ.

Vì không chịu được khí hậu miền núi nên tôi bị đau
nặng và phải trở về Saranath. Lần này tôi gặp được Đại-
đức Kashyapa, đang là giáo sư của Đại-học đường Hindu,
Đại-đức không những chăm sóc cho tôi về sức khỏe mà
còn dạy tôi học Pali, luận lý học và luận học nữa. Sau đó,
nghĩa là vào 1950 tôi được thọ Cụ túc giới. Sau một năm
ở Saranath, theo lời yêu cầu của Đại-đức Kashyapa tôi lên
đây để hành đạo vì ở đây có rất nhiều người Âu và các
giáo đoàn của ngoại đạo. Từ đó đến nay, trừ những lúc
đi hành đạo ở xa, tôi thường trú ở đây.

Tóm lại, nguyên nhân làm cho tôi trở thành Phật-tử là
vì tôi nhận thấy sự sáng tỏ của chánh-pháp hay nói một
cách gần hơn là chính giáo lý trong kinh Kim-cang và Pháp
bảo đàn giúp tôi chọn lấy lý tưởng của tôi: Phật-giáo. Và
ý-nguyện muốn dành trọn đời sống cho việc nghiên cứu
và tu tập theo chánh-pháp là động cơ chính khiến tôi trở
thành Tỷ-kheo.

Những kỳ sau sẽ đăng tiếp những câu hỏi sau đây :

- 2) Vì sao Đại-đức đặt hiệu chùa là « Tam Thừa cộng tiến »
- 3) Xin Đại-đức cho biết sự liên hệ giữa ba giáo hệ.
- 4) Theo ý kiến Đại-đức, thế nào là một Tỷ kheo và một Cư-sĩ
kiểu mẫu ?
- 5) Xin cho biết chương trình của Đại-đức trong việc « phục hưng
Phật-giáo tại Ấn-độ » ?
- 6) Trong thời gian Phật-tử Việt-nam tranh đấu cho chánh pháp,
Đại-đức đã làm gì để giúp họ ?
- 7) Ý kiến của Đại-đức về hoạt động của Hội Phật-giáo thế-giới hiện
nay và chương trình hồng pháp trong phạm vi quốc-tế phải như thế nào?

Nara

trong

ngày

Phật

Đản

The scent of chrysanthemums I
At Nara,
Ancient images of Buddhas (I)
Bashō

Bây giờ tôi đến Nara
Ngồi giữa lòng công viên Lộc-Uyển
Nhìn đàn nai vàng xao xuyến theo bước
chân người
Trầm hương thoang thoảng
Trên hoa lá xanh tươi
Khi mùa Xuân về trên đất Nhật
Và hôm nay Ngày Phật Đản xứ người
Niềm hoan hỷ càng sáng ngời
trong những đôi mắt nai vàng muôn nẻo
Tôi yêu Nara

Bây giờ tôi đứng rất lâu trước chùa Đông-
Đại Tự
Dĩ vãng thiêng liêng
Hiện tại hiền lành
Tỏa đầy gương Đại Phật
Ôi! những ngón tay
Ấn cam lồ tỏa đầy hương mật ngọt
Như vỗ về, như thoa dịu kiếp sinh linh
Qua đôi mắt từ bi đặng thế giới hòa bình
Nền đạo lý tung bừng như hoa Sakura
vườn Lộc-Uyển

*
*
*

Bây giờ Ngày Phật Đản
Thế giới hẹn hò đi vào xứ Phật
Vườn Lộc-Uyển mở cửa :
Đuổi xa thần thoại hoang đường
Câu chuyện buồn đau, dày vò thân xác
Chìm mất rồi khi quỳ lạy Hotoke
Bao nhiêu người đến
Bao nhiêu kẻ đi về
Lòng Phật rộng như trọn đời bao phủ

Bây giờ và mai sau
Nara vẫn giữ lòng chung thủy
Với vườn Lộc-Uyển ngát hoa hương
Với đàn nai đón mừng viên khách
đi tìm về xứ Phật
Tôi yêu Nara
Như loài người yêu trái đất
Như người Việt yêu Phật kỳ trong Ngày
Phật-Đản năm qua

Nara, ngày mùng 8 tháng 4 năm 1964

HUYỀN-KHÔNG

Nhật-Đản cử-hành Lễ Phật-Đản trong
ngày mùng 8-4 Dương-lịch,
vì vào lúc này Hoa Anh-Đào nở

Nara
trong
ngày
Phật
Đản

KHÁT VỌNG

NGUYỄN-THI
KBC 4107

VỪA thức giấc, nghe tiếng reo của máy điện thoại ở văn-phòng. Tân sực nhớ hôm nay là phiên trực của mình. Tân liền đi làm vệ-sinh cá-nhân và điềm tâm sáng rồi đến thay cho người bạn đã trực từ hôm trước.

Ngồi tại phòng trực đơn-vi, Tân háng khuâng lo nghĩ như có điều gì còn mang máng trong đầu óc. Thực vậy, hôm nay là ngày rằm tháng ba mà cũng là ngày chủ-nhật (nghỉ việc) có cuộc trại họp bạn của các GDPT liên tỉnh... tại Chùa Thiên-Ấn, hôm trước Tân đã hẹn với các bạn là sáng nay sau khi lên Chùa lễ Phật rồi cùng nhau đi Thiên-Ấn xem luôn thể, nhưng bất ngờ gặp phải phiên trực nên đành chiu. Khi các bạn khác đã sửa soạn xong đến gọi Tân thì Tân chỉ biết trả lời là «Mình bận phiên trực không thể đi được, chúc các bạn vui đi nhé» rồi đôi mắt rưng rưng nhìn từng bước chân của các bạn mình trong bộ Quân-phục gọn ghẽ cho đến khi

khuyết dạng, tự nhiên Tân thấy trong lòng mình một nỗi buồn âm thầm khó tả.

Hồi tưởng lại những ngày còn ở nhà, còn sinh hoạt trong GDPT, các ngày đại lễ Phật, những hôm Rằm, Mồng một, các Phật-sự cũng như các cuộc sinh hoạt của GDPT không có một buổi nào Tân vắng mặt. Sự có mặt của Tân trong các Phật-sự, các buổi lễ, các buổi sinh hoạt và các công-tác từ-thiện Tân rất lấy làm sung sướng vì Tân cho rằng đó là một nguồn an ủi về nếp sống tinh thần sau những ngày vất lộn với cuộc sống vật chất.

Rồi từ ngày vì một trong bốn ân cũng như vì phận sự của người trai giữa thời đất nước ly loạn, Tân phải gia nhập vào Quân đội và được vào một ngành chuyên môn. Tuy khoaê bộ Quân-phục nhưng công việc làm có phần tương hợp với ý nguyện. Ước vọng của Tân là tích cực làm tròn phận sự chức nghiệp của mình để góp phần nhỏ nhất vào việc hàn gấu vết

thương và làm giảm đau khổ cho đồng loại theo mục đích của nghề mà Tân theo đuổi.

Ngày tháng cứ trôi qua, công việc làm vẫn thường. Tỉnh thoảng Tân cùng các bạn dắt nhau đi Chùa lễ Phật. Cho đến lúc Phật-giáo đỡ bị đàn áp bởi chế độ độc tài, gia - đình trị họ Ngô. Tân cùng các bạn quân - nhân Phật-tử thường lui đến Chùa và tham dự các cuộc tranh-đấu của Phật-giáo địa-phương cũng bị những cặp mắt cú vọ của lũ «mắt-vu» để ý hăm dọa, thậm chí đến những bữa ăn chay người ta cũng theo dõi xem có bao nhiêu người và ám chỉ bằng những lời lẽ cay chua, sâu độc. Có lần Tân cùng các bạn đang ngồi bàn chuyện với nhau về các vụ tàn sát và đàn áp Phật-giáo ở Huế (quê hương Tân) và phở biến các lời kêu gọi của U. B. L. P. B. V. P. G., trên nét mặt mọi người đều lộ vẻ đau buồn, căm tức, không ngờ lúc ấy có người đang theo dõi và để chấm dứt ngay câu chuyện đó bằng cách họ đến trước mắt Tân và hô hào - đứơc - giả hỏi Tân một câu rằng «Sao kỳ này có vẻ bờ phờ buồn bã thế?» Tân chỉ biết gượng trả lời là vì bị cảm nên trong mình hơi khó chịu. Thế à... chỉ hai tiếng thế à đây về mĩ-mai khiêu khích ấy cũng đủ

làm cho Tân cùng đồng bạn bực tức lo âu vô cùng.

Thế rồi cách mười hôm sau, một số các bạn Tân bị thuyết chuyển đi đơn vị khác. Hình ảnh cái chết của Thuận đã in sâu vào đầu óc và làm cho Tân vô cùng thương tiếc. Thuận cùng ở một đơn vị với Tân, Nhưng vì tình tình cương trực Thuận thường bộc lộ bằng những lời lẽ khẳng khái phản đối chính-sách đàn áp Phật - giáo của Chính-phủ Ngô-triều mà người ta gán cho là «Phản-động». Vì thế mà Thuận bị thuyết-chuyển đi khỏi ngành, chẳng may trên đường đến nhận công tác tại đơn vị mới Thuận đã bị địch quân phục kích bắn chết. Thế là hết, từ đây gia-đình Thuận sẽ đau khổ bởi mất đứa con yêu, Quốc-gia mất đi một người lính chiến và Phật - giáo - đỡ bớt đi một Phật - tử thuần thành chí đạo, riêng Tân bị mất một người bạn tri - kỷ. Nếu không có sự kiện trên thì Thuận không đến nỗi hóa ra người thiên - cổ.

Tiếp theo những ngày sống đau khổ trong lo-âu hồi hộp bởi lệnh giới-nghiêm, tách rời giữa Quân-đội và Dân chúng, cảnh Chùa chiền bị phong-tỏa, bắt bớ, giam cầm, tra-tấn, thủ-tiêu các Tăng Ni và những Phật-tử có công trong công cuộc tranh-đấu

cho Phật-Giáo. Lúc này Tân chỉ biết âm-thầm lặng lẽ làm việc và luôn luôn cảnh tỉnh bạn bè trước mọi mưu toan vô cùng thâm-độc của những hạng người chuyên dùng sức mạnh để lấn áp kẻ yếu. Hàng ngày trước khi đi ngủ Tân để hết tâm-trí hướng về Đức Phật cầu nguyện cho Phật-Giáo đỡ sớm thoát khỏi cảnh đàn-áp dã-mán và hương linh của Thuận được tiêu-diêu miền Cực-lạc.

Ngày 1-11-1963 nhờ ơn các chiến sĩ cách-mạng đã đứng lên lật đổ một chế-độ thối-nát, bắt công đem lại một luồng sinh-khí mới cho toàn dân nói chung và cho người Phật-tử nói riêng. Nơi chùa chiền đã được tin-đỡ thập-phương đến lễ bái, mức sinh-hoạt của Phật-Giáo đã trở lại bình thường, những lúc rãnh rỗi Tân và các bạn cùng nhau đi Chùa lễ Phật như cũ.

Thế mà hôm nay vì bạn phiến trực không đi dự buổi lễ Phật thường lệ cũng như không giữ đúng lời hẹn với các bạn, Tân cảm thấy lòng mình ray rứt khó chịu. Giữa lúc bàng hoàng nghĩ ngợi, có tiếng điện-thoạt reo đưa Tân về hiện tại, cầm ống nghe áp lên tai đầu dây kia là một đơn vị khác gọi về xin xe Hồng Thất tự chở những người bị thương sau

một trận giao-chiến về điều trị tại Bệnh-xá Quân-y nơi Tân làm việc. Tân vội trình lên Cấp chỉ-huy, liền đó 2 chiếc xe H. T. T. được đưa đi với một tốc-độ vùn-vụt.

Khi các thương nhân được đưa về đây gồm có 3 người, bên địch cũng có mà bên ta cũng có tất cả đều được sự săn-sóc rất chu-đáo của Bác-sĩ và các chuyên-viên y-tá. Chứng-kiến cảnh đau thương của các nạn-nhân đang rên rĩ trên bàn giải phẫu, trở về phòng động mối từ-tâm Tân ngồi gục lên bàn nước mắt trào ra ràn rụa.

Tân nghĩ rằng tại sao tất cả mọi người đều biết đau khổ, đều than khóc trước sự đau thương, thế mà vẫn mạnh tâm gây nên đau khổ, chết chóc. Nếu nhân-loại đều ý-thức và thực-hiện được ý-nghĩa Từ-Bi và Bác-Ái thì đâu có cảnh chiến-tranh tàn khốc, đâu có sự tang-tóc đau thương. . .

Trong im lặng chấp tay lên ngực Tân cầu nguyện Hồng-ân Chư Phật gia-hộ cho Tổ-quốc thân yêu Tân được sớm thoát khỏi cảnh chiến-tranh, để muôn dân được hưởng cảnh Thanh-bình an-lạc và riêng mình được trở lại với nếp sống ngày xưa ở quê nhà dưới mái chùa thân yêu, bên gia-đình đầm ấm.

VƯỜN THO ĐẠO LỮ

NGUYỄN-HẠNH phụ trách

Hôm nay chúng tôi xin mạn phép giới thiệu cùng quý vị độc-giả Liên-Hoa bài thơ *Lửa Từ-Bi* của Vũ-Hoàng-Chương (1). Vũ-Hoàng-Chương vốn là một Thi-Sĩ nổi tiếng từ tiền-chiến sát tập *MÁY* do ĐỜI-NAY, TƯ-LỰC VẤN-ĐOÀN xuất bản năm 1943, sát tập *VẤN-MUỘI*, thơ viết thành kịch, đã trình-diễn và xuất bản tại Hanoi năm 1944. — Năm 1953, thi-sĩ có mặt trong hàng-ngũ những người di-cư vào Nam. Rồi từ đó, sống ngay giữa thủ-đô Saigon, thi-sĩ vẫn lăn-luật và đều-đặn xuất-bản những thi-phẩm có giá-trị khác như *RỪNG PHONG* (1954), *HOA ĐẰNG* (1959), *TÂM SỰ KÈ SANG TÂN* (1961), *TRỜI MỘT PHƯƠNG* (1962), đồng-thời «xướng xuất» lời thơ «*Nhị Thập Bát Tú*» cùng bình thơ bạn đọc bốn phương trên báo *Tự-do*. Trong mùa pháp-nạn 1963, toàn dân cùng đứng dậy, chống lại cường-quyền bóp chết *Tự-do*, kỷ-thệ Tôn-giáo, và sau cát chết cao-cả của Ngàt Quảng-Đức, thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương cũng đã già-từ giốc mộng *Liêu-Trai Tiên Kiếp* của mình, để nói lên tiếng nói của Nhà Thơ, tiếng nói của Kè Sĩ, trong bài «*Lửa Từ-Bi*». Ngã tư Lê văn Duyệt — Phan đình Phùng đã trở thành nơi thánh-dạ. Bô-Tát Quảng-Đức đã vĩnh-viễn đi vào lịch-sử tranh-đấu cho tín-ngưỡng Việt-Nam và Thế-giới. Chúng tôi nói thêm rằng: thi-bản *Lửa Từ-Bi* cũng sẽ không bao giờ thôi âm vang trong lòng người dân Việt.

Thi-bản «*Lửa Từ-Bi*» được Vũ-Hoàng-Chương khởi viết ngày 11-6-1963 và hoàn-tất ngày 15-7-1963 tại Saigon, Địa-chỉ của Vũ-Hoàng-Chương: đường Phan-đình-Phùng, số 345/2, nghĩa là không mấy xa nơi Ngàt Quảng-Đức tự-thiêu. Thế mà phải có

(1) Đã đăng trọn bài «*Lửa-Từ-Bi*» ở Liên-Hoa số tái ngộ.

thời-gian hơn 1 tháng, thi-sĩ Vũ Hoàng Chương một hoàn-thành một bài thơ « dâng lên Bồ-tát Quảng-Đức ». Điều đó, nếu chúng ta tình ý, chúng ta sẽ nhận thấy V. H. C. sáng-tác **Lửa Từ Bi**, không phải bằng cảm-xúc: nhất thời, không phải bằng hiện-tại-tính của người thi-nhân vốn giàu cảm-xúc. Trái lại, Vũ Hoàng Chương đã sáng-tác **Lửa Từ Bi** với tất cả ý - thức trách - nhiệm của Nhà Thơ, với tất cả ý-thức trách - nhiệm của Kê Sĩ. Tiếng thơ của **Lửa Từ Bi** chính là tiếng nói trung-thực, có ý-thức của nhà thi-sĩ chân chính. Tiếng nói của **Lửa Từ Bi** chính là lời tuyên-ngôn của Kê Sĩ. Thành thử, làm một bài thơ là làm cả một cuộc **dẫn thân (engagé)**. Giá-trị của **Lửa Từ Bi**, có lẽ không phải chỉ là ở nghệ-thuật, mà chính là ở sự **dẫn thân** này.

Đọc những câu đầu :

Lửa! Lửa cháy ngất Tỏa Sen!
Tám chín phương nhục thề trần tâm
Hiện thành Thơ, quý cả xuống
Hai Vàng Sáng rung rung
Đông Tây nhòa lệ ngọc
Chấp tay đón một Mặt Trời Mới Mọc,
Ánh Đạo Vàng phơi phới đang bùng lên, đang lên...

Quần chúng, chúng ta, và cả nhà thơ, đều đã xác định lập trường tranh đấu cho Tín ngưỡng của mình. Đó là một sự tranh đấu không phải do bởi lòng đố kỵ, hiềm thù. Đó chính là một sự tranh đấu do ở sự nóng bỏng thành khẩn của hàng triệu con tim, đang tự thắp trong tâm mình 1 ngọn « Lửa » đẹp. Đó không phải là ngọn lửa bạo tàn như kiểu lửa cháy rừng làm hàng nghìn vạn chồi xanh gục xuống, tượng trưng cho sức mạnh khiếp nhược của cường quyền. Đó chính là ngọn lửa của Từ-Bi, ngọn lửa của Thơ, ngọn lửa « ngất Tỏa Sen », nhóm lên như một ánh lửa thiêng liêng không bao giờ tắt, tranh sáng cùng với hai vầng nhật nguyệt đang rung rung nhòa lệ. Người phương đông, người phương tây, quý cả xuống. Quý cả xuống, để chiêm ngưỡng:

Bóng người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rọi bóng cây Bồ-đề.

« Người siêu thăng », dòng báo rời đây sẽ lắng xuống. Thời

gian rồi sẽ mất mát đi vào Tương lai. Dù ghi bằng lụa bạch, dù ghi bằng tre xanh, dù tượng tạc bằng ngọc, dù tượng khắc bằng đá, sử sách dù có ghi, nhưng cùng với thời gian, sử sách rồi cũng tan thành cát bụi. Cát chỉ sẽ còn? Còn lại sẽ là trái Tim Từ-bi và Dũng-lực của Bồ-tát. Sử rồi sẽ phai nét mực, tượng rồi sẽ tan vào đất, nhưng «trái tim Bồ-tát gội hào quang» sẽ vĩnh viễn bất diệt trong lòng muôn thế hệ:

Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!

Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi!

Chỗ NGƯỜI ngồi: một thiên thu tuyệt tác

Trong vô hình sáng chói nét Từ-Bi.

— Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?

Ngọc đá cũng thành tro, lụa tre dần mực nát

Với Thời gian lờ vết máu qua đi.

Còn mãi chữ! Còn trái Tim Bồ-tát

Gội hào quang xuống tận ngục A-Tỳ!



Từ đó, tiếng Thơ Lửa Từ-Bi đã vang lên, vang lên tại chùa Xá-lợi, vang lên tại chùa Từ-dàm, vang lên khắp trên đất nước này, vang lên trong lòng mọi người con Phật... Cường quyền dù có xe tăng thiết giáp, dù có tạc đạn lướt lẹ, dù có phong tỏa nghìn lần dây thép gai sặc, cũng không thể nào bóp nghẹt được Âm-Thanh, bóp nghẹt được tiếng thơ Lửa Từ-Bi. Bởi vì, Lửa Từ-Bi, không những là tiếng thơ của một Vũ-Hoàng-Chương mà còn là tiếng thơ của tất cả mọi người trong mùa Pháp-nạn.

Toàn thể Phật-Giáo đồ Việt-Nam thành
kính Kỷ-niệm Lễ Đệ-Nhất Chu-Niên Vị
Pháp thiêu thân của Hòa-Thượng Thích-
Quảng-Đức ngày 11 tháng 6 Dương-Lịch

QUAN ĐIỂM HÀNH ĐỘNG

của người Thanh - niên Phật - tử

*Si personne ne répond à ton appel
Marche tout seul, marche tout seul
R. TAGORE*

*(Nếu chẳng ai đáp lời bạn gọi
Bước một mình, bạn hãy đi lên!)*

I. - NHẬN ĐỊNH :

Trước khi đi vào nông thôn chúng ta cần nhận định lại quan điểm hành động, để dứt khoắc tư tưởng hầu tránh mọi bất ngờ của lý luận đối chọi trong khi va chạm thực tế.

Chúng ta nhất quyết tránh xa hai thứ chủ nghĩa hiện đang làm màu mè cho một số lớn tồ chức hữu danh vô thực là chủ nghĩa xói chè và chủ nghĩa chiêng trống. Chủ nghĩa xói chè là thứ chủ nghĩa của những kẻ không chịu làm người mà chỉ muốn nhẩy vọt làm các vị thần hoàng an tọa trong am miếu, trên đầu quần chúng lao khổ. Từ đó sinh ra hình thức chiêng trống, nghĩa là rên rỉ, la lối, phô trương những mộng mị cao xa bằng đường lối tuyên truyền, quảng cáo, trong khi thực chất hành động không được minh chứng, không được thể hiện với một tấm lòng quảng đại đi lên.

Tâm trạng chúng ta nay mới chỉ « buồn cho những điều khốn đau bất hạnh » (ai kỳ bất hạnh) mà chưa chuẩn bị thực lực để đương đầu với nghịch cảnh khổ ải (nô kỳ bất hạnh) để tái tạo cuộc sống an vui. Không khéo chúng ta dần dần trở thành anh hề trong đoạn viết của triết gia Kierkegaard : Anh hề ra báo tin rập hát bốc cháy, nhưng

khán giả vẫn thân nhiên vỗ tay hoan nghênh rầm rộ xem như một màn hề tiếp diễn.

Chính vì thế mà chúng ta không thể ngồi tìm khẩu hiệu, tìm phương thế tác động tinh thần quần chúng mà cần đi vào giữa lòng nhân dân hiện thực Từ-Bi Đức Phật, học hỏi, nhận chịu bao va chạm cay đắng nhưng bổ ích, hầu cảm thông tới mức độ giao hòa.

Sự cứu khổ ngày nay phải là sự cứu khổ cho cả một xã-hội, không còn là sự cứu khổ riêng rẽ từng cá nhân với những định luật không thay đổi. Nỗi khổ của thế kỷ XX là một thứ khổ tập thể phát sinh từ chiến tranh ngày càng gay gắt vì tranh chấp thế lực kinh-tế và thế lực ý-thức-hệ, ngày càng quay cuồng không lối thoát, đến cả những người chủ mưu muốn đình chỉ cũng không được. Ví như ngọn lửa diêm ngùn cháy bó rạ, người làm ruộng còn lảng xãng chữa chạy nhưng khi lửa đã lan ra khắp cánh đồng, khắp mọi cánh đồng thì người dân không thể khur khur chạy chữa cho riêng bó rạ của mình nữa.

Quảng đại quần chúng không thể nào nâng cao đời sống văn hóa hay tâm linh trong một hoàn cảnh hỗn loạn gây ra bởi một thiểu số lãnh đạo điên cuồng. Cần rút họ ra khỏi nỗi khổ thời đại đó, nỗi khổ chung của tập thể chúng sanh (*chúng khổ*), tự đó con người mới bình tĩnh nhận định để thoát ly cái khổ gây bởi sự phung phí xa xỉ của đời sống vật chất thân xác (*thân khổ*), cũng như sự phung phí xa xỉ về tri thức, tinh thần (*tâm khổ*) hầu thấu đạt *giác ngộ*, tức là sự cách ràng buộc đang cột dính con người vào tình trạng ù lì của vô-minh và hủ hóa.

Chúng ta cần nhận định đon quyết rằng: muốn cứu vãn hiện tình khổ đau đó, ta phải đòi *thuốc* chứ không thể đòi *thang* như người ta vẫn làm tự bấy nay.

II. - QUAN ĐIỂM:

Từ-bi và phản ảnh: Tranh chấp nô khí đã bùng nổ, ly loạn và chiến tranh kéo lê cuộc sống yên lành của dân tộc vào trong đau thương và tan nát. Con người Việt-Nam vì thế ê chề, mang đầy những mặc cảm lo sợ và bị trị, nô dịch từ thể xác đến tinh thần, đang nhiên quần chúng nhận lãnh hoàn cảnh xã - hội như một định mệnh.

Tư tưởng Từ-Bi Phật-giáo với quan điểm phản ảnh sẽ làm công việc đầu tiên là *biến cải định mệnh thành sứ mệnh*. Ý thức và làm cho ý thức sứ mệnh chuyển lay nghịch cảnh, đem con người khổ đau trả về cho con người an lạc, *tác tạo* một hoàn cảnh sống tự quyết và bình đẳng.

Đem vui và cứu khổ là ý nghĩa Từ-Bi Phật-giáo, nhưng phải chấp nhận rằng hình ảnh con người đau khổ là đất đai và Từ-Bi là hạt lúa. Lúa lia đất không thể nảy mầm, kết hạt. Khi đi vào quần chúng, ở đâu, lúc nào chúng ta cũng phải chủ trì phản ảnh, nghĩa là từ cá thể toát ra một nếp sống hoàn bị, cải tạo và xây dựng có năng lực phá dỡ hết mọi bất công xã - hội và tâm linh. Đó là cuộc biến cải toàn diện và sâu rộng, nở lên một cách toàn thể, song hành giữa cuộc cách-mạng tự thân (cách tâm) và cách-mạng xã-hội (cách xã), dựa vào chủ lực tự-thân song song với trợ lực tha nhân. Phật-giáo gọi là tự biến và cộng biến. Đức Phật đã dạy: chiến thắng ba quân còn dễ hơn là chiến thắng tâm hồn. Khi ta chưa thao thức đề tự biến, chưa cải tạo thân tâm một nề nếp sống trong Từ-Bi Hỷ-Xã, thì khó thay đổi được kẻ khác trên chiều hướng chân thiện. Và khi khuyên nhủ, dẫn đường cho kẻ khác thấy rõ chân - lý sống động và yêu thương của cuộc đời mà không tạo được một hoàn cảnh nuôi dưỡng ý thức họ, thì việc làm của chúng ta cũng trở nên vô nghĩa, thu gọn trong phạm vi một nhà đạo đức chỉ biết thuyết giáo trên pháp tòa. Sự giao hưởng phản ảnh giữa nội tâm và ngoại cảnh này mang đủ sức mạnh bật tung gốc rễ của bao nguyên do tác thành

nghịch cảnh hầu tạo dựng một nếp sống tốt đẹp cho con người bình đẳng.

Bình-đẳng không giai cấp: Kể từ xưa đến nay mọi tranh chấp hiện hữu giữa hai thế lực thiện ác, công bình và bất công... Ngày nay người ta thường gọi nó là đấu tranh giai cấp, giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị hay vô sản. Điều đó nghe có vẻ lò - gích, như trên bình diện phức tạp con người, đó là một chủ - trương cứng nhắc, một thứ chủ - trương phiến diện khái quát toàn diện mà hậu quả là đề cao bạo động và chiến tranh dù rằng mục đích của nó vững lý nhưng hết sức phiêu lưu.

«Giai cấp tính» chỉ là một giai đoạn sơ thiên của một quá trình biến hóa mà con người phải vượt nhanh để tiến tới «nhân loại tính», cửa đầu của đại thể vũ trụ, của sự hòa đồng tuyệt đối và an lạc.

Người Phật - tử không thể nào chấp nhận sự phân chia giai cấp đề tương tranh khi vị Thầy cách mạng của họ là Đức Phật đã phá đổ chế độ giai cấp bất nhân trong xã hội Ấn - độ cách đây 2.500 năm. Họ có ngại thơ gì đề chịu thoái hóa như thế. Chúng ta chỉ có thể công nhận một số giai tầng trong trí thức hay trong tinh thần gây ra vì trình độ giáo dục sai khác, nhưng ở đây không có tranh chấp, chỉ có nâng đỡ và giáo hóa. Có bao giờ người sinh viên tranh đấu với giáo sư vì trình độ trí thức của mình thua kém đâu.

Đức Phật đã công bố rõ ràng rằng: «không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, trong giọt nước mắt cùng mặn». Vì thế, trong khi đi vào quần chúng với lòng Từ Bi rộng lớn với nếp sống phản ảnh, vấn đề trọng đại phải hiện thực là tiêu diệt nguyên nhân của mọi sự cừu hận chém giết bằng cách khước xung chất người vô giai cấp đang bị xã hội nén đè tù hãm khấn kín trong tâm tư mỗi cá thể, giai cấp chỉ là những chiếc áo có thể thay và tình thương trong con người mới là

một thực thể phải khai khai thác và nuôi dưỡng. Nếu cần phân chia thì người Phật-tử nhận định xã hội đang có sự xung khắc giữa vô minh và giác ngộ. Ở đây con người là sự vươn tới, vươn từ tình trạng bất toàn của vô minh tới trạng thái sáng trong đại lượng của giác ngộ. sự vươn tới này không cần đồ máu hay đấu tranh bạo động chỉ cần được chiếu rọi bằng ánh sáng chỉ đạo một cách có phương pháp của lý luận từ bi Phật giáo.

Đả phá tư tưởng phân chia giai cấp vì nó là đầu mối của bạo động phung phí, là một tư tưởng ma thuật đang bám chặt tâm khảm con người trong manh-tâm chia rẽ dễ dễ bề thống trị và đồng lúc biến tinh thần linh động, giàu sang của chúng ta thành khối cứng đờ bất nhân. Nhưng mặt khác, chúng ta cũng phải đả phá tất cả mọi mầm sống ở tự thân hay ngoại cảnh xã hội nhằm bao biện, bóc lột quyền sống con người.

Con người không phải ai cũng tiến bộ như nhau, song khi tìm hiểu họ, ta sẽ không phân định theo từng khu vực ảnh hưởng của giai cấp mà cần xét đoán chân hướng nội tâm của họ hầu phát huy khả năng phục vụ.

Dưới ánh sáng tư tưởng và hành động Phật-giáo, con người thấy đều bình đẳng, đều có khả năng giác ngộ như nhau và vì thế không có vấn đề đấu tranh giai cấp mà chỉ có chiến thắng tự thân, khắc phục nghịch cảnh hay là chiến thắng tự ngã để hòa đồng đại thể, hiện thực trên bình diện toàn bộ và nhất loạt.

Đấu tranh tư tưởng: Nhưng để thực hiện từ bi và phân ảnh bình đẳng không giai cấp, chúng ta bắt đầu từ đâu? Dĩ nhiên là bắt đầu từ tự thân. Cuộc đời phải được xem như một Đại-học. Người sinh viên du học hồi hương với mảnh bằng, với ý chí đi tìm địa vị là một người bỏ ngang

con đường mình đã chọn. Bởi học đường là nơi tham khảo lý-thuyết, chúng ta còn phải thực tập rất nhiều giữa lòng quần chúng lao khổ, đó mới thực là Đại-học Dân tộc.

Lý tưởng và mục đích của người Phật tử là đấu tranh chống đau khổ tập thể, nỗi khổ đau phát sinh từ bất cứ nguyên do nào. Với tư tưởng Đại thừa Phật-giáo cuộc đấu tranh của họ tiếp diễn giữa lòng cuộc sống, vì thế họ phải dứt khoát với bản thân trước khi lấn xả vào. Từ đó mới có thể làm cho cha mẹ bà con chân nhận cuộc đời không phải chỉ có một lối thoát là làm quan hay làm giàu, mà còn có một con đường cao đẹp cần thiết cho an lạc là tái tạo tình thương và nâng cao đời sống thấp hèn, thiếu thốn của đại đa số quần chúng. Buồn cười nhất là lắm người có thể bỏ nước đi du học hằng năm mười năm để đạt lấy danh bằng danh vọng hoặc theo công vụ đi xa hằng năm trường, nhưng khi ta mời họ tham gia công-tác xã-hội, nâng cao đời sống nông thôn một cách trực tiếp gần thân thì họ bảo không rời bỏ gia đình mà đi được. Thế mới biết sức thôi miên của thói quen nó trói buộc ta dường nào!

Từ sự dứt khoát với bản thân để đào luyện tác phong Bi, Trí, Dũng của người Phật tử, cố gắng tạo dựng một quá khứ đạo đức, một hiện tại cách mạng và trong tương lai trí tuệ, cho đến phát huy và đề cao tinh thần (đi vào nội tâm quần chúng lao khổ) trong gia đình, bạn bè, ta mới có thể đương đầu với cuộc đấu tranh tư tưởng ngoài xã-hội, là nơi ta sẽ bị rất nhiều va chạm đau đớn bất ngờ.

III. — LÀNG:

Từ những quan điểm trên đây, chúng ta bước chân vào Làng. Vì sao « Làng » mà không nước, dân tộc hay nhân loại? — Chẳng qua làng chỉ là một danh từ như bao danh từ khác. Tạm dùng nó, vì ở đó sự tranh đấu gay gắt và sôi sục nhất

ở đó con người còn nghèo đói, thiếu học, ở đó là nơi va chạm tranh chấp giữa đời sống cá nhân và xã-hội. Làng là nhân tố kiểu mẫu cần xây dựng để kiến tạo một thân thể đang bại hoại vì bao cuộc thí nghiệm hoang đường.

Làng là cuộc sống tập thể ở bất cứ trên kinh độ đất đai hay hoàn cảnh nào. Bước chân vào làng với một nếp sống từ bi, phản ảnh tư tưởng bình đẳng và không giai cấp, với sự thao thức cải biến tự tâm, chúng ta bắt đầu làm công việc thay đổi toàn diện và chớp nhoáng một nếp sống xưa cũ và đời trụy hiện đang diễn hành khắp nơi.

Chấn chỉnh lại nông thôn là điều cấp thiết, chúng ta sẽ bàn đến trong bài sau. Việc làm hiện tại là đấu tranh tư-tưởng với những kẻ thủ cựu hay hủ hóa phát huy tính chất từ bi, bất bạo động và xây dựng của Phật-giáo. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực của một hoạt động « dẫn thể » (dẫn thân thể hiện) trong tâm trạng chính huấn cá nhân và tập thể một cách song hành doan quyết.

N. T.

Paris — (1958-1964)

Vị Pháp thiêu thân

(Đề ông hộ 5 nguyện vọng của
Phật Giáo trong năm 1963)

*P*HƠI gan bảo thủ giáo kỳ đày
Vị Pháp quyền sanh một hội này.
Khói tỏa hồn thiêng về cõi Tịnh;
Hương xông xác hiện nhằm phương Tây.
Tròn duyên nghĩa cử người sông núi;
Trọn phận nhân phong rạng cỏ cây.
Ngon lửa «hoàn nguyên» phùng hải ngoại
Còn làm sáng rực cả trời mây.

BÍCH-SA (Giáo định)



Miền gửi Bạn,

« Saigon dạo này nóng quá! »

Căn nhà bé nhỏ của T-M giá được ở cạnh sông hay vườn ruộng thì cũng đỡ, chẳng may nó lại len vào con đường lấm nhá ít gió này nên nó tha hồ mà nung T-M đến khô ròn ra... Nhưng bạn ạ, chớ phải vì nóng mà T-M không viết được bài đề gửi nộp Thầy Tổng thư-ký tòa soạn Liên-Hoa đâu, mà chỉ vì dạo này T-M cù bận rối lên vì những việc đầu đầu ấy!

Sáng nay nhất định phải viết bài gửi đi, nhưng vừa ngồi vào bàn, đang sắp đặt để hạ bút thì một bà chị đến:

— A may quá! Tuệ Mai có nhà đây rồi... Này đi với chị lại có Hạnh một lát đi.

— Có Hạnh nào, chị?

— Có Hạnh đã bị giam ở An-Dương-Địa dạo ấy mà. Tôi vừa có địa chỉ mới của Hạnh đây. Năm ngoái có ấy giúp cháu Âu trốn nên mới khỏi bị mật vụ bắt đấy. Tôi phải đến cảm ơn và trả lại số tiền của Hạnh đã cho cháu mượn dạo đó. Có chịu khó đi với tôi bây, giờ đi, Mai tôi lại phải đi Cần-Thơ sớm rồi.

Nửa giờ sau, chúng tôi ngồi nói chuyện với Hạnh trong căn nhà xinh xắn có vườn bao quanh ở đường Lê-Quang-Định (Gò Vấp).

Hạnh là một nữ sinh khá đẹp, mới xong tú tài Pháp phần hai. T-M quen Hạnh trong thời gian chính-quyền Ngô khùng bỏ Phật-giáo, rồi đến sau ngày 1-11-63 thì bằng tin Hạnh, và giờ ngồi thong thả nói chuyện, T-M mới biết thêm rằng ba Hạnh là công chức đã hồi hưu, gia-đình ở

tĩnh khác vừa dọn về ngôi nhà mới mua này. Trước Hạnh vẫn trọ tại nhà người bà con để đi học.

Chúng tôi cùng nhau ôn lại những mẫu chuyện trong thời gian tham gia cuộc tranh đấu bảo-vệ Phật-Giáo. Thời đó chỉ có những lo buồn, nguy khó. Lúc nào gặp nhau cũng đề cập, không cũng vội vã... Nhưng bây giờ thuật lại thấy khá thú vị.

Hình ảnh về Hạnh mà T-M nhớ nhất là Hạnh trong chiếc áo dài trắng loang máu vì đã lãng vào dằm gậy của một viên cảnh-binh khi người này cùng đồng bọn đang hành hung các Ni-êo đòi vào chùa Xá-Lợi để tụng niệm trước thi hài của Thánh Tăng Thích-Quảng-Đức vừa tử vì Đạo.

Đang nói chuyện, chợt T-M nhìn thấy có chiếc ảnh bán thân của V. bày trên giá sách, V. là một sinh-viên đã hoạt động hăng hái trong khi chống chính-quyền Ngô-Đình-Diệm đàn áp Phật-giáo, và vị hôn phu của Hạnh.

T-M cười trở tấm ảnh hỏi Hạnh :

— Bao giờ thì Hạnh về nhà người ta đấy ?

Hạnh cười nhẹ, chằm rãi nói :

— Không bao giờ cả chị ạ, vì... anh V. đi tu rồi. Chị chưa biết à ?

Bà chị cỡ lỗ của T-M. nghe nói thế thì sửng sốt nhìn ảnh V. :

— Sao? Người khôi ngô tươi tỉnh thế này mà lại đi tu! Chắc cậu ấy có điều gì buồn lắm đấy ?

Hạnh mỉm cười, từ tốn :

— Không ạ, trái lại anh ấy rất vui mà đi tu.

Rồi Hạnh thân mật kể cho chúng tôi nghe là ba má Hạnh và ba má V. vốn quen biết từ lâu. Hạnh và V. thì mới mướn nhau hai năm trước. Ba má V. đã sang nói má ba má Hạnh cũng ngổ ý ưng rồi. Chính trong thời gian cùng các bạn tranh đấu chống bạo quyền đàn áp thanh niên, V. nảy ra ý đi tu, chàng đã nói với một người thân : « Nếu chính quyền độc tài này còn tồn tại, còn đàn áp dân chúng thì tôi còn ở ngoài đề cùng các bạn tranh đấu cho

tiện, đến khi nào tình trạng này chấm dứt thì tôi sẽ vào chùa tu học». Nhưng đạo đó V. chưa cho Hạnh biết, mãi đến sau ngày đảo chính 1-11-63 V. mới bày tỏ ý định của chàng với Hạnh, và Hạnh sau khi suy nghĩ đã tán thành để rồi tỏ vẻ bình tĩnh tiễn người yêu vào ở hẳn trong chùa làm một học tăng.

Bà chị của T-M người chăm chú, cảm động lắm. Khi Hạnh vừa dứt lời, bà khẽ hỏi:

— Thế cô không buồn vì phải xa cậu V. à?

Hạnh dịu dàng:

— Dạ, có chứ ạ... Thoạt nghe, thấy khổ quá, em đã có ý nghĩ tử thân và giận V. lắm, tưởng chừng như không thể sống mà chịu đựng sự cách biệt như thế được. Nhưng sau vài ngày suy nghĩ những lý lẽ của anh V. em bỗng thấy tình trí vững lòng một cách lạ lùng... Nỗi buồn của tình yêu tuy vẫn còn, nhưng không bằng lòng tin tưởng và kính trọng của em đối với anh V. bấy giờ, người đã mạnh dạn hy sinh tình yêu nhỏ hẹp, thực hiện nếp sống sống thanh-đạm và vị tha...

Rồi Hạnh quay sang tôi, vui vẻ:

— Chị ạ, ba má anh V. mới xin nhận em làm con nuôi đấy. Hai cụ cưng em lắm, vì hai cụ không có con gái. Anh V. có một người anh đã lấy vợ và hai em trai còn nhỏ. Nhà ba má anh V. ở liền cạnh đây, mà cái nhà này trước cũng là của ba má anh đấy. Các cụ muốn ở gần nhau cho vui nên ba má em mới bán nhà ngoài Nhatrang để về mua lại cái này.

Lúc đứng dậy tiễn chúng tôi Hạnh trở ảnh V. nói:

— Bao giờ anh V. có ảnh mặc quần áo nhà tu thì em phải xin một cái để bày thay ảnh đó.

Ở nhà Hạnh về, T-M định viết cái truyện ngắn đã nghĩ lúc sáng, nhưng hình ảnh Hạnh và V. cứ hiện lên trong trí, T-M liền viết thư này gửi bại với niềm vui man mác, mặc bầu không khí nóng đương bao vây mình.

Mến chào tạm biệt,

Cuội mai

Phật-Giáo Tây Phương

Đạt-Đức NYANASATTA THERA
THÍCH TRÍ CHƠN dịch thuật

PHẬT - giáo du nhập các nước Tây - phương bằng cách nào? Trong thời gian Phật còn tại thế, Phật - giáo mới chỉ phát triển đến miền Tây Bắc Ấn - độ. Hai thế kỷ sau, đạo Phật lan rộng đến những vùng phía bắc sông Indus ở Punjab và xứ Afganistan (A - Phú - Hân). Chẳng bao lâu, Phật-giáo du nhập các nước Ba-tư (Persia), Thổ - Nhĩ - Kỳ (Turkestan) và miền Bắc xứ Aryan thuộc Trung-Á. Đến thời vua A-Dục, Phật-giáo đã được phát triển xa rộng, bằng chứng là trên những cột trụ đá của Ngài dựng nên thời đó có ghi chép về việc nhà vua đã từng phái nhiều đoàn truyền giáo đến thuyết pháp ở các miền xa như Ba-Tư, Syria, Ai-cập, Hy-Lạp. Thú thật rằng tôi chưa hề được đọc tài liệu xác đáng nào nói về kết-quả của đoàn truyền giáo trên tại Hy-Lạp vào khoảng giữa

thế-kỷ thứ 3 trước Tây-lịch. Nhưng vài tháng trước đây, nhân dịp trên đường về sau chuyến hành hương thăm Nepal và Bắc Ấn-độ, tôi đem vấn đề trên thảo luận với một học giả ở Madras thì học giả này quyết chắc với tôi rằng trong một cuốn sách viết bằng Anh-ngữ vừa mới xuất bản nhan đề «K HẢO-CỔ VỀ CÁC TÔN - GIÁO» (The Archaeology of Religions) ông đã được thấy có nhiều hình ảnh trình bày về nền văn minh và văn hóa cổ của Phật - giáo ở Macedonia (Hy-Lạp) và Thracia. Có thể rằng một ngày gần đây, người ta sẽ tìm ra được nhiều bằng chứng hơn để làm sáng tỏ vấn đề đó.

Trong địa-hạt thương mại xưa kia đã có nhiều đường bộ từ Ấn-độ qua Ba-tư, Caucasia đến Armenia cùng những xứ gần Hắc-Hải (Black Sea) và Địa - Trung - Hải,

cũng như các đường thủy từ Ấn-độ qua Ai-cập và La-Mã. Như vậy, trước niên-kỷ Thiên chúa, Phật-giáo có thể được truyền vào Âu-châu do những đoàn người đi buôn qua lại giữa Ấn-độ với Hy-Lạp và Ý-Đại-Lợi. Vào khoảng 8 thế kỷ đầu Phật-lịch, các thương gia Á-Rập sau khi đến các xứ Phật-giáo Á-Châu về, có thể họ đã đem những câu chuyện đời sống đức Phật và giáo lý của Ngài mà họ đã được nghe những Phật-tử miền Trung-Á (Central Asia) tường thuật để kể lại với dân chúng bấy giờ. Nhiều bài thơ ngụ ngôn do Aesop, thi gia Hy-Lạp hoặc La Fontaine (Pháp) sáng tác đều bắt nguồn ở bộ truyện tiền thân đức Phật (Jatakas). Nhiều nhà hàng hải như Marco Polo và các vị truyền giáo Cơ đốc đầu tiên đến vùng Viễn đông trở về, họ cũng mang theo nhiều tài liệu, tin tức của những vùng theo Phật-giáo. Về sau, có một vài nhà truyền giáo đã học tiếng Phạn (Sanskrit) để mong dễ thành tựu trong việc phát triển đạo của họ. Những cuốn văn phạm và các bản lịch Phạn ngữ đầu tiên đều do mấy nhà truyền giáo này biên soạn. Khoảng đầu thế kỷ thứ 17, phạm vi kiến

thức của những học giả Tây Phương đã bắt đầu mở rộng: sau khi đồng hóa với nền văn chương, nghệ thuật và triết học mới tìm gặp ở Hy-Lạp, họ liền nghĩ đến những vùng đất xa hơn, đó là xứ Ba-tur nằm trên đường đi Ấn-độ. Năm 1610; người ta dịch truyện Gulistan của Ba-tur. Năm 1800, Anquetil du Perron ấn hành cuốn thánh-truyện Avesta cũng của dân tộc Ba-tur. Năm 1802-1803, Anquetil du Perron dịch bộ triết học Áo-Nghĩa-Thư (Upanishads) viết bằng Phạn ngữ ra tiếng Ba-tur với nhan đề là Oupnek'hat. Sau này bộ Oupnek'hat được dịch ra tiếng Latin mới thật công phu và hữu ích, bởi nó đã giúp cho nhiều triết gia Đức, nhất là Schelling và Schopenhauer hiểu rõ được nguồn gốc khởi thủy của triết học Ấn-độ. Tuy nhiên, sự chú trọng nghiên cứu Phạn-ngữ — chính trong lúc học hỏi văn chương và tiếng Phạn, Tây phương đã biết Phật-giáo — bắt đầu do những học giả Anh quốc. Ông Warren Hastings (1732-1818), vị toàn quyền đầu tiên của Ấn-độ đã ủy thác cho 11 vị học giả theo Bà-La-Môn giáo dịch ra tiếng Anh bộ luật Ấn-độ (A Code of Gentoo

Laws) và năm 1775, bản dịch đó đã được gởi qua Luân-đôn. Nhờ sự khích lệ của Warren Hastings, một học giả khác ông Charles Wilkins đã dịch bộ Bhagavadgita năm 1785 và bộ Hitopadesa năm 1787. Và cuốn văn phạm Phạn văn đầu tiên cũng do ông này soạn. Vào năm 1786 có một học giả người Hy-Lạp, ông Dimitrios Galanos (1760-1833) đến Ấn-độ tu khổ hạnh 40 năm với những người theo Bà-La-Môn giáo ở Ba-La-Nại (Benares) và sau mất tại đó. Ông đã dịch Phạn văn ra tiếng Hy-Lạp và có soạn cuốn tự điển tiếng Phạn cho những người Hy-Lạp dùng. Hiện tác phẩm viết bằng tay này đang còn giữ ở thư-viện Quốc gia Hy-Lạp tại Athens. Alexander Csoma de Korosi (1774-1842) người Hung-Gia-Lợi cũng đã sống nhiều năm ở Ấn-độ, Tây-tạng. Ông đã ấn hành đầu tiên cuốn văn phạm và tự điển Tây tạng bằng Anh văn cũng như đã cho đăng tải vào năm 1836 ở tờ Á-Châu tạp chí (Asiatic Review) tài liệu bình giải về bộ Thánh-kinh Anjur của Tây tạng. Sau khi những học giả người Anh dịch xong ra Anh văn bộ luật Manu —

bộ luật cần thiết cho chính quyền Anh ở Ấn-độ — họ lại dịch bộ Mahabharata và The Hymns of The Rigveda. Không bao lâu nối tiếp những người Anh, có nhiều học giả Pháp và Đức cũng thông bác tiếng Phạn và họ có thể dịch trực tiếp được nhiều bản Phạn văn. Bởi vậy những học giả, thi gia đầu tiên của hai nước này đều chịu ảnh hưởng sâu đậm nền văn chương Ấn-độ.

Trong lúc sự nghiên cứu Phạn văn càng ngày càng phát triển mạnh ở Tây Phương thì sự tham học tiếng Ba-Li (Pali) và những kinh-diễn Phật-giáo bằng Pali cũng được nhiều học giả chú ý. Năm 1826, Eugen Burnouf và Christian-Lessen cho phát hành đầu tiên tập « TIỂU LUẬN VỀ TIẾNG PALI » (Essai sur le Pali) Năm 1840, học giả Pháp Eugen Burnouf diễn thuyết về Phật-giáo tại Đại-Học-Đường College de France và ông đã chinh-phục được nhiều sinh-viên Phật-tử. Từ đó trường này trở thành nơi nghiên cứu Phật-giáo của nhiều vị học giả khác như R. Roth và Max Muller. Năm 1834-1835, James Prinsep, tòng sự tại nha đúc tiền ở Calcutta

là người đầu tiên đọc hiểu được những bia ký của vua A-dục và những bài kệ của các vị sơ tổ Phật-giáo Ấn-độ. Năm 1836, George Turnour cho ấn hành bản dịch ra anh văn tập Đại-Sử Tích-Lan (Mahavamsa) và có in phụ một phần kinh Pali. Năm 1844, Eugen Burnouf cho phát hành cuốn sách « LỊCH SỬ DU NHẬP PHẬT-GIÁO ẤN-ĐỘ » (Introduction à l'histoire du Bouddhisme Indienne). Trong lời nói đầu của tác phẩm này, tác giả có nhắc đến ông B. H. Hodgson, nguyên người Anh giữ chức Tổng-Trú-sứ ở Nepal. Ông ta khá thâm hiểu Phật-giáo và đã cho ấn hành nhiều kinh sách Phật bằng Phạn văn mà lúc bấy giờ đa số người Tây Phương không biết đến. Ngoài ra ông còn viết nhiều sách Phật bằng Anh văn để gởi sang Anh và Pháp. Chính nhờ những tài liệu này đã giúp cho học giả Pháp Eugen Burnouf soạn tác phẩm Lịch-sử du-nhập Phật-giáo Ấn-độ trên. Năm 1825, tờ Á.đông tạp-chí (Journal Asiatic) phát hành tại Petersburg (Nga-xô) cũng có đăng một tài-liệu về « LỊCH-SỬ ĐỨC PHẬT » của ông J.J.

Schmidt. Ngoài ra khoảng đầu bán thế-kỷ 19, có nhiều tài liệu Phật-giáo khác phát hành ở Tây-Tạng, Mông-cổ, Trung-Hoa, Nhật-bản và những sách báo Phật-giáo này cũng đã gây được nhiều ảnh hưởng cho đa số học giả khác ở Tây Phương.

Arthur Schopenhauer (1788-1860) là một triết gia Đức rất sùng bái và ham chuộng Phật-giáo, nhưng có điều không may cho nền Phật-giáo Tây phương là lúc bấy giờ, về những giáo lý căn bản của đức Phật ông hiểu rất ít. Ông chỉ biết qua những hình thức Phật-giáo đương thời ở vài nước như Tây Tạng, Nepal, Trung-Hoa, Mông-Cổ, Nhật, chứ ông không phân biệt được sự sai khác giữa Phật và Ấn-Độ-giáo. Đây là điều lỗi lầm chung của phần đông học giả thời đó. Đến hiện nay, vẫn còn nhiều người Tây Phương nhầm lẫn Phật-giáo, với Ấn-độ-giáo, Schopenhauer cho rằng triết thuyết của ông giống Phật-giáo thật ra nó lại gần với Bà-La-Môn giáo hơn, một đạo giáo mà ông đã chịu ảnh hưởng qua cuốn Oupnek' hat dịch từ bộ Áo-Nghĩa-Thư (Upanishads)

ra tiếng Ba-tư bởi một tín đồ Hồi-giáo là Hoàng thân Dara Sahkoh, anh em với vua Mông-Cổ Aurengzeđ, Theo bản dịch của Anquetil du Perron, Oupnek'hat nghĩa là Upanishads. Ngay nhan đề cuốn sách ông ta dịch đã sai thì nội dung cuốn đó chắc gì tác giả dịch đã hoàn toàn đúng. Còn nghiên cứu bộ Upanishads qua bản Latin dịch ở bản tiếng Ba-tư của hoàng tử Dara Sahkoh dịch từ nguyên văn Phạn ngữ ra thì đâu phải là công việc dễ. Do đó Arthur Schopenhauer, một triết gia Đức danh tiếng, triết gia của những tâm hồn bi quan đã khiến Phật-giáo lầm khi bị mang tiếng xấu tiêu cực bởi chính cái triết thuyết của ông, triết thuyết mà Schopenhauer lạm nhận cho nó là giống với Phật-giáo như trong Bách-khoa Tự-diễn đã giải thích sai lầm rằng: « Thuyết thần-bí (Mysticism) của ông (Schopenhauer) có vài điểm tương đồng với Đại thừa Phật-giáo ». Thật ra Schopenhauer ít am tường về Phật-giáo nguyên thủy (tiểu thừa) và lại càng mù tịt hơn

về Phật-giáo Đại thừa, vì nguồn gốc của giáo lý này đều nằm ở những tạng kinh Tây tạng, Mông-Cổ hoặc Trung-Hoa chứ không phải ở bộ Oupnek'hat. Tuy vậy, năm 1856 người ta thấy trên bàn trong phòng Schopenhauer có đặt một bức tượng Phật Tây tạng, trong lúc ấy ông cũng đặt cho con chó trắng thân yêu của ông cái tên Atman để chứng tỏ « sự bình đẳng giữa người và thú vật hoặc giữa thú vật và người » Riêng ý-niệm này của Schopenhauer đủ cho ta thấy có sự hòa hợp giữa triết thuyết của ông với Ấn-độ giáo và những nhà nghiên cứu Phật-giáo cũng đã không ngại bảo rằng thật là một sai lầm lớn nếu có ai cho triết lý bi quan của Schopenhauer là Đại thừa Phật-giáo. Vì Phật-giáo không dạy một cách máy móc rằng con vật bình đẳng với con người, bởi lẽ loài vật thuộc khổ-cảnh (state of woe) còn con người lại thuộc lạc-cảnh (happy jate). Như vậy rõ thật Schopenhauer là một con người có tâm trạng yếm thế đúng với danh từ « kẻ chán đời » (misanthrope) mà Bách-khoa Tự-diễn đã gán cho ông,

Bộ kinh Pali đầu tiên phát hành ở Tây phương tại Leipzig (Đức năm 1848 là bộ Anechota Palica của ông Friedrich Spiegel. Trong cuốn này, ngoài kinh Pali có thêm phần dịch và chú thích bằng Đức văn. Năm 1855, cuốn kinh Pháp-cú toàn tiếng Pali với bản dịch Latin của ông Fausboll đầu tiên được ấn hành tại Tây phương ở Copenhagen (Đan-Mạch). Năm 1862, cuốn kinh này cũng được ông Albrecht Weber dịch ra tiếng Đức. Và giữa lúc các nhà nghiên cứu Ấn-độ-ngữ dịch thêm nhiều bộ kinh Pali, những học giả Phật-tử khác cũng đã cố gắng tìm cách phổ biến sâu rộng Phật-giáo vào quần chúng. Hiện nay, phần lớn những bộ kinh Pali đã được hội « Pali Text Society » dịch ra Anh hoặc Đức văn. Nhiều bộ kinh Phật gia trị khác cũng đã được dịch sang tiếng Pháp. Ngoài ra, còn có nhiều sách Phật viết bằng tiếng Ý. Vào khoảng những năm đầu của chính thế Xó - viết cũng có nhiều sách Phật, nhất là Đại-thừa,

ấn hành ở Leningrad (Nga) và các nơi khác. Tại Hung-Gia-Lợi và những quốc gia gần bể Baltic (thuộc Đại-tây-dương) đều có nhiều kinh sách Phật giáo in bằng ngôn ngữ của nước họ. Nhiều kinh sách và tự-diễn Pali cũng được ấn hành tại Đan Mạch và Dutch (Đức). Hiện giờ ở Yugoslavians (Nam-tur) cũng có nhiều học giả Phật-tử bắt đầu dịch kinh Pali và gần đây ở Lô-mã-Ni (Roumania), ông Viện-trưởng Đại-học quốc-gia Bucharest có như 101 gởi đến vị chủ bút biên tập bộ Bách-Khoa Phật-giáo (Encyclopaedia of Buddhism) 100 cuốn sách Phật tìm thấy ở năm thư-viện của những đại học và các phân-khoa Khoa-học tại Lô-mã-Ni. Và khoảng vài ba năm trước đây, sau khi giáo sư Thomas Garigue Masaryk người Tiệp-khắc (Czechoslovakia) qua đời, người ta cũng đã tìm thấy tại thư-viện gia-dinh ông 27 cuốn sách Phật, đặc biệt nhất là bộ A-Tỳ-Đạt-Ma (Abhidhamma). Mấy năm gần đây, ngày lễ Phật-đán cũng đã

được trường Đại-học Khoa - Phật-giáo Anh ra đời và học tổ chức trọng thể tại những tạp chí Phật-giáo Anh Prague (Tiệp-khắc) và ở Ba- ngữ đầu tiên gửi sang Anh Lan (Poland) một pháp hữu quốc đều ấn hành tại Miến- của tôi đã giảng về Phật-giáo, Điện cuối thế kỷ 19 sang theo những đề tài do trường đầu thế kỷ 20, người ta thấy Đại-học nêu ra và lần thuyết xuất hiện tại Miến nhiều Tỳ- pháp đầu tiên đó đã được kheo Tây phương. Khoảng dài phát thanh Ba-Lan truyền năm 1907 và 1908, một đoàn đi dưới sự bảo trợ của Đại- truyền giáo Miến được gửi học đường Khoa-học Ba-Lan, sang Anh quốc và sau này cũng có nhiều đoàn truyền Những Phật-tử ở Ba-Lan và giáo Miến tiếp tục sang thuyết Tiệp - khắc đã từng yêu cầu pháp tại Anh, Đức, Mỹ, Pháp cùng nhiều quốc-gia khác và các đạo hữu ở Tích-Lan cũng họ đã tận lực phổ biến Phật như các nước Phật-giáo Đông sự bằng cách yêu cầu các Phật giáo tại các nước Âu Châu. phương giúp đỡ những Phật- Hơn nữa, những đại hội sự bằng cách yêu cầu các hội Phật-giáo thế giới, các cuộc chính phủ tại đó cho phép lễ kỷ-niệm Phật Niết-Bản tổ họ được tự do phát triển Phật chức tại nhiều nước Phật- giáo dễ dàng theo ý muốn giáo Á-châu mấy năm vừa của họ. Ngoài ra, còn nhiều qua với những buổi phát tổ chức Phật-giáo ở Anh, Mỹ, thanh, chiếu bóng cùng ấn Pháp và Đức mà tất cả ai hành những sách báo, tạp cũng đều biết. Năm 1903, bác chí nói về Phật-giáo Á châu lập Hội Phật-giáo Đức và ấn cũng đã giúp ích nhiều cho hành tạp chí «Buddhists sự bành trướng Phật-giáo tại Review». Năm 1907, Hội các quốc-gia Tây phương.

(Trích dịch Tạp chí *The International Buddhist News Forum*
số tháng 11 năm 1961)

Nguyễn Cầu

*Con dâng trọn niềm tin lên Phật Tổ
Với hoa lòng, hương nguyện, lấm chấn thành
Cầu xin Người sớm ra tay tế độ
Nước cảnh Dương Người rưới khắp quần sanh*

*Đẹp tất lửa đao binh đang bốc cháy
Đem san bằng oán hận hóa tình thương
Cho cảnh rã chia khỏi còn trông thấy
Thanh bình về trên đất nước quê hương*



*Dầu tin phép nhiệm màu và cao cả
Mỗi chúng ta đều phải cố tu trì
Hỗ trợ lỗi gắng sao đừng sa ngã
Ba điều nguyện giữ trọn chữ quy y.*

*Trong giáo lý cao siêu Người đã dạy :
« Hãy tự mình thấp xuống mà đi ».
Tự lực, tự tin ta đã hiểu vậy
Quyết một lòng noi dấu đức Từ-Bì.*



*Chuồn bít nhũ ngân vang chiều gió lộng
Rơi dần vào tịch tịch cõi hư vô...
Như thức tỉnh bao cuộc đời ảo mộng
Đang say mê trong sự sống mơ hồ.*

*Cảnh sắc xa hoa, lung bùng, náo nhiệt
Có rồi không, không, có giữa trần ai.
Xê dịch, đổi thay dễ dằn đoán biết
Trước thể tình biến động của ngày mai...*

Sài Gòn, Kỷ Niệm ngày Chung Thất
của Cố Hòa Thượng Thích Quảng Đức
(30 - 7 - 1963)

TÔN - NỮ HỖ - KHƯƠNG

NHỮNG ĐÔNG

★ Thạch Trung Giã

NGHỆ THUẬT

(Tiếp theo)

III. — Nghệ thuật tượng trưng đã đến với Tây-phương ở cuối thế kỷ thứ XIX. Edgar Poë, Baudelaire, Rimbaud là những người tiêu biểu. Nghệ thuật tượng trưng đến vào cái lúc mà duy lý chủ nghĩa của Tây-phương bị phá sản, những người tiền khu của Bergson đã xuất hiện, Ấn-độ giáo sắp được gieo rắc. Mặc dầu Tây-phương đã có tôn giáo từ mấy ngàn năm, nhưng chưa có *thần bí chủ nghĩa*. Đây hay đó trong lịch sử thỉnh thoảng mới xuất hiện một vài nhà thần bí rất hiếm hoi. Tượng trưng chủ nghĩa đến giữa lúc mà nhân sinh, vũ trụ quan của Tây-phương đã bị lay đến tận gốc rễ, con người Tây phương ngỡ ngàng không biết hướng về đâu trong cái buổi hoàng hôn của chur thần. Trên cái hoang tàn mệnh mang đó người ta chỉ có thể chọn một trong hai thái độ là DUY-VẬT CỰC-ĐOAN hay THẦN-BÍ. Nhưng DUY-VẬT người ta đã tìm thấy rồi vì nó giản dị, còn *Thần bí* thì người ta sờ soạn cho đến bây giờ. TƯỢNG-TRƯNG CHỦ-NGHĨA hay đúng hơn: thái độ tượng trưng — là phản ảnh của tấn đại bi kịch diễn cái trò tranh tối tranh sáng của CHÂN-LÝ của ĐẠO-LÝ của NGHỆ-THUẬT. Chỉ cái đời sống, cái tâm hồn của những thi sĩ tượng trưng cũng đã nói rất nhiều Edgar Poë, Baudelaire, Rimbaud sống một cuộc đời oằn oại, đau khổ, vừa trụ lạc, vừa anh dũng, vừa tuyệt vọng, vừa tin tưởng một ánh lửa le lói tận chân trời. Rimbaud một thiên tài một thần đồng đã vào làng thơ rất sớm và cũng ra rất nhanh như một sét lửa thiên tượng. Bỏ

Rimbaud đã cảm thấy mãnh liệt, sâu sắc rằng mình chỉ là một giai đoạn trong quá trình tiến hóa của NGHỆ-THUẬT của TU-TƯỢNG. Sau khi đã sục sạo vào những ngõ ngách bí hiểm của CẢM GIÁC, Rimbaud đã đi đến ngõ cụt. Không biết rằng mình phải đi đâu trong khi vẫn linh cảm thấy một chân lý xa vời, chàng đã bỏ thơ, bỏ xứ sở để chết trong một cuộc phiêu lưu vô định. TƯỢNG TRUNG CHỦ-NGHĨA là thời kỳ quá độ giữa Duy-lý và Thần-bí, vậy chúng ta cũng nên nhận định cái tinh chất cảm xúc cũng như một vài điểm của kỹ thuật.

1) Thi sĩ tượng trưng cảm thấy lẽ tương ứng của sự vật. Hoàn-vũ đối với họ cũng như đối với những khắc-kỹ-gia là một sinh vật khổng lồ, mỗi vật chỉ là một tế-bào, dụng vào một là dụng vào tất cả — một giọt rượu nho thấm đỏ cả đại dương.

2) Từ cái lẽ tương ứng, người ta đi đến cái lẽ vạn vật đồng nhất thể. Cái thể đó không phải là vật chất, nhưng cũng chưa hoàn toàn là tinh thần, nó chỉ là một cái gì gần như tinh thần. Bởi thế cho nên, trong thi ca tượng trưng có sự nhân-cách-hóa, linh-cách-hóa. Nó không phải là một mảnh khoe của tu từ học, một lối nói bóng bẩy một lối vi von mà chính thi sĩ tượng trưng đã thành thực cảm thấy như vậy. Nhưng đến đây, chúng ta cũng phải nhận thấy rằng điều đó hãy còn là một linh cảm, chứ chưa thành một hệ thống tư tưởng và sinh hoạt.

3) Cũng cái linh cảm đã khiến cho họ cảm thấy lẽ đồng nhất của sự vật, họ thấy hoàn đảo tính của những cảm giác. Thi-sĩ tượng trưng nghe thấy tiếng trăng reo, nhìn thấy những màu sắc của thanh âm. Cái linh cảm này đã được khoa học xác nhận. Người ta thử cho chạy một luồng điện vào những giác quan. Cũng luồng điện đó mà mắt thì thấy một làn chớp, tai nghe một tiếng sét, lưỡi nếm một vị, mũi ngửi thấy một mùi, toàn thân tê

lên một cái giạt. Thí nghiệm đó đã chứng minh rằng cái mà người ta gọi là thanh âm với cái mà người ta gọi là hình sắc chỉ là một vật kích thích vào hai giác quan.

NHỮNG BÀI: - Correspondances của Baudelaire.
- Nguyệt-Cầm của Xuân-Diệu.
- Cỏ-Liêu của Hàn-Mạc-Tử.

Correspondances :

*La Nature est un temple où de vivants piliers
Laissent parfois sortir de confuses paroles ;
L'homme y passe à travers des forêts de symboles
Qui l'observent avec des regards familiers.*

*Comme de longs échos qui de loin se confondent
Dans une ténébreuse et profonde unité,
Vaste comme la nuit et comme la clarté,
Les parfums, les couleurs et les sons se répondent*

*Il est des parfums frais comme des chairs d'enfants,
Doux comme les hautbois, verts comme les prairies,
— Et d'autres, corrompus, riches et triomphants,*

*Ayant l'expansion des choses infinies,
Comme l'ambre, le musc, le benjoin et l'encens,
Qui chantent les transports de l'esprit et des sens.*

Charles Baudelaire.

Nguyệt Cầm :

*Trăng nhập vào đáy cung nguyệt lạnh,
Trăng thương trăng nhớ, bặt tiếng ngân !
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.*

*

*Mây trắng, trời trong, đêm thù - tình
Linh lung bóng sáng bỗng rung mình*

Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh

✧

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời
Đàn ghê như nước lạnh, trời ơi!
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:
Trăng nhớ Tăm-Dương, nhạc nhớ người...

✧

Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê;
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...
Sương bạc làm thình khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc tới sao Khuê.

Xuân-Diệu

Cổ liêu :

Gló lùa ánh sáng vô trong bãi
Trăng ngập đầy sông chảy lóng lánh
Buồm trắng phất phơ như cuống lá
Lòng tôi bát ngát rộng bằng hạt.

✧

Tôi ngồi dưới bến đợi nường mơ,
Tiếng rú ban đêm rợn bóng mờ,
Tiếng rá hồn tôi xô vỡ sóng
Rung tầng không khí, bạt ơ lơ.

✧

Ai đi lẳng lẳng trên làn nước
Vớt lại ai ngồi khít cạnh tôi
Mà sao ngắm cũng thơ đầy miệng,

✧

Không nói không rằng nín cả hơi!
Chao ôi! Ghê quá trong tư-tưởng
Một vũng cổ liêu cũ vụn đời!

Hàn Mạc-Tử,

Bài Correspondances của Baudelaire có thể coi là tuyên ngôn của thi-phái tượng-trung. Còn bài Nguyệt - Cầm và Cô-liêu có thể coi là hai áp-dụng của thi-sĩ Việt.

IV. — Nghệ-thuật THẦN-BÍ là cái mà Tây-Phương đang muốn vươn tới. Nhưng nó không phải là một điều mới mẽ trong lịch-sử nhân-loại. Nó đã có từ 4 ngàn năm với thi-ca Vệ-Đà qua Ấn-độ, nó đã có hơn 2 ngàn năm với Đạo-Đức Kinh, Nam-hoa Kinh của Trung-Hoa, nó đã có hơn 2 ngàn năm với những bộ kinh - điển của một vài tông trong Do-Thái giáo, nó cũng đã từng có ở Tây-Phương với sách vở của Plotin, Maltre Eckart, Saint Jean de La Croix, nó đã có ở Việt-Nam với thi-ca Lý Trần. Nhưng luồng Thần-linh đó đã chìm lặng khá lâu ở Tây-Phương, và đất Việt.

Ta có thể nói TƯỢNG - TRUNG CHỦ - NGHĨA là tiếng sấm báo sinh Thần-bí chủ nghĩa một đảng ví như tiếng ấp ứng của đứa trẻ con mới tập nói, một đảng ví như lời rõ ràng của người đã trưởng thành.

Không còn mập mờ gì nữa :

Cái lý vạn-vật đồng nhất thể được nhấn mạnh, được trọn vẹn — nghĩa là vạn-vật chỉ có một linh-hồn, một đại-hồn, cái mà người ta gọi là ĐẠO là CHÂN NHU, là THƯỢNG-ĐẾ. Nó không còn là một linh-cảm xa, xói, nó không còn là một giả-thuyết như trong thi-ca tượng-trung mà nó là một điều hiển nhiên, tuyệt-đối. Từ thái-độ trong nghệ-thuật tượng-trung, nó biến thành một hệ-thống tư-tưởng và sinh-hoạt. Người Thần-bí không đoán xa xói như nghệ-sĩ tượng trung, mà cũng không lý-luận như những nhà duy-lý: hơn tất cả, họ đã trông thấy CHÂN-LÝ, sờ thấy Chân-lý, thực-hiện Chân-lý. Bởi thế cho nên đó là những người ngoan cố nhất, đầu hoàn-vũ có hủy-diệt cũng không thể khiến họ thay đổi lập trường bởi họ đã tìm thấy cái THỰC hơn Hoàn-vũ, cái ruột của Hoàn-Vũ: họ đã tìm thấy cái CHÂN

NGÃ, cái Đại-hồn của con người mà cũng của TẤT CẢ. Thần-bí chủ-nghĩa đảo-lộn tất cả mọi nhân - sinh, vũ-trụ-quan thông tục, bởi thế cho nên tác-phẩm của họ đã mở ra những thế-giới mới mà hình ảnh của sự-vật đều biến diện, tuân theo những định-luật riêng, khác hẳn với mọi định-luật khoa - học cũng như triết-học! Bởi thế cho nên đem những tiêu - chuẩn của những nghệ-thuật tả-thực hay ẩn-tượng vào đây không thể nào dùng được. Mà cái kỹ-thuật của người Thần-bí dĩ-nhiên là khác với mọi kỹ-thuật. Từ thể-văn, mạch văn, ngôn-ngữ đến liên-lạc của tác-phẩm đều có tính-cách phá-phách đột biến, huyền - diệu lạ-lùng. Bởi nhà thơ Thần-bí nhiều khi sáng-tác bằng xuất thần: viết xong mới biết mình nói gì, chỉ một phút làm xong cả bài; thơ mấy chục câu, hoặc ngũ hoặc thất mà nghe những con người hiền ngang đọc những bài thơ làm sẵn tận bên tai. Nó đập đổ mọi thử thách nào thực hiện cái thi-pháp siêu thi-pháp. Cho nên phép đọc thơ huyền bí nên lấy linh-giác mà hiểu chứ đừng lý-luận cũng như chớ nên đòi hỏi một cái nhịp diển-tiến bình-thường. Thơ Thần-bí có một nghĩa, nhưng trước khi tìm thấy nghĩa, mà cả sau khi tìm thấy nghĩa rồi, ta chỉ cần nên dò hỏi tâm - linh là có bị chạm sâu xa hay không.

NHỮNG BÀI: - Ngôn - hoài
- Đàn - Sao - Lạp.

Ngôn - hoài:

*Trạch đắc long xà địa khả cư
Dĩ tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thì trực thượng cô phong đỉnh
Trường khiêu nhất thanh hàn thất hư.*

Không Lộ (Thời Lý)

Ngô - Tất - Tổ dịch

*Lựa nơi rồng rắn đất ưa người
Cả buổi tình quê những máng vui*

*Có lúc thăng lên đầu núi thăm
Một hơi sáo miệng lạnh bầu trời.*

Đàn-Sao-Lạ:

*Đàn rơi tiếng trầm
Sao rớt lưng không
Sao không còn tâm
Đàn dư tiếng dội
Gleo trong lòng đàn
Sao trên Đại-Hoàn
Đàn trong U-Đế
Lạ hạ se se
Hồng tung ngập ngừng
Phất chãng cầm âm
Vào trong ánh lạ!*

Vô Danh

Kết luận:

Từ Tả thực đến Ấn-tượng, từ Ấn-tượng đến Tượng-trung từ Tượng-trung đến Thần-Bí, Nghệ-thuật càng đi sâu càng vượt lên Thực tại.

Đó là cái nỗ lực của tất cả mọi công nghiệp tinh thần của con người — từ Triết-học đến Khoa-học qua bao nhiêu thứ bậc.

Từ mấy ngàn xưa, triết gia Ấn-Độ cũng như Hy-Lạp phân biệt Sự-giới với Lý-giới (Le Réel et l'Intelligible) và cho đến bây giờ, một Einstein cũng còn nói Hình-Học càng gần cái Chân càng xa cái Thực, càng xa cái Thực càng gần cái Chân — Einstein không ngờ mành đã cùng một trực giác với những đạo-sĩ xé tan tàch Hiện-tượng-giới để tiến vào Bản thể.

THẠCH - TRUNG - GIA

ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2508

tại Huế

Cố đô Huế già nua và khiêm tốn với thành quách rêu phong đờ nát, đang cải lão hoàn đồng, đang chuyển mình biến, cải từ tâm đến cảnh, hướng về Phật-đản 2508! Huế trên đường Đản sinh, bỗng dưng mà giàu sang lẫy lừng, từ phố phường đến tận ngoại ô, đến những miền xa xôi thôn dã... vì tất cả Phật-tử đang quy nạp về một nẻo TÌNH THƯƠNG, giàu sang biết gấy trong ý niệm TỪ-Bi hướng thượng, vươn cao lên ý nghĩa Đản-Sinh, "lắng mình trong ăn uống của chư Bồ-Tát vị pháp thiêu thân, của liệt Thánh-tử Đạo, đang dùng trọn vẹn thân tâm trong ý chí báo ân sâu xa và rộng lớn...

HUẾ trầm tĩnh... để hăng say phục vụ Phật - Đản

Hơn nửa tháng, trước Phật-đản, bầu không khí Huế-đô trở nên nhộn nhịp khác thường, dường như tất cả việc riêng tây đều gặt lại một bên, và tất cả đổ dồn về Phật-đản... Đàn con Phật đông đảo, không phân biệt giai cấp, tuổi tác, giới trai, sang hèn, tất cả đều chen vai thích cánh xây dựng Đản-Sinh, trong tình huynh-đệ thân ái, và đoàn kết đạo vị.

Các lễ đài, các cổng chào lần lượt nhô lên khắp nơi

Rải rác mọi nơi trong đô thị Huế và các ngoại ô, từng đoàn người tập trung tại các địa điểm "công trường" để xây dựng các lễ đài và các cổng chào mừng Phật-Đản. Lễ đài chính được dựng đối diện với cổng chào Từ-Đàm, gồm có bốn tầng cao rộng đồ sộ và nguy nga. Tầng trên hết là một cái tháp bạc có trí tượng sơ sinh của đức Thế-Tôn, tầng thứ nhì để di ảnh của các vị thánh tăng vị pháp thiêu thân, tầng thứ ba để di ảnh của liệt Thánh tử Đạo. Lễ đài này trang trí toàn màu vàng với một hệ thống ánh sáng vô cùng nghệ thuật, và với những châu cảnh rất tao nhã trang nghiêm. Nhiều lễ đài khác, nhỏ bé hơn, mà không kém phần thâm mỹ dựng lên nhan nhản khắp các vườn hoa, các trục giao thông, các nơi đông đúc, như ở bến xe Nguyễn-Hoàng, Trần-hưng-Đạo, vườn hoa Phan-bội-Châu, trước lò tề sinh, bến Đông-Ba, đầu cầu Gia-Hội, quốc lộ Phú-Thọ, chợ Kim-long, chùa Linh-Mỵ, Nam-Đài, phường Phú-trạch, Vĩnh-nhơn, khuôn Tịnh-Bình, phường Trí-vụ, Tây-Lộc, phủ Tôn-nhơn, vạn Thương-Bạc, phường Phú-Hội, vườn hoa Bộ-Học, bến xe An-cựu, bến cây xăng đường Tự-Đức, lễ đài các Thánh-Tử-Đạo ở trường Đài Phật-

Thanh Huế, lễ đài An-Lãng, trước ga, Lạch-dại, Bao-Vinh, Mang-cá nhỏ vân vân... Các công chào, nghệ thuật tinh vi được dựng lên suốt con đường dài tấp tập từ chùa Diệu-Đế lên chùa Từ-Đàm là lộ trình mà đoàn rước Phật phải diễn hành qua.

Những giây đèn, những giây cờ vô tận...

Thành phố Huế và ngoại ô ngậm dưới rừng cờ ngũ sắc, những biểu ngữ mừng Đản-sinh lần đầu tiên được giăng ra các đại lộ biểu dương được tiếng nói bình đẳng và ý nguyện của dân chúng Phật-tử. Những giây đèn thì đua nối tiếp nhau, chạy dài hai bên vệ đường từ phố này sang phố khác, từ bến xe An-cựu đến đầu cầu Trường-tiền, dọc theo vườn hoa Nguyễn-Hoàng, thẳng tuột ra quốc lộ phương Phố-Thanh, đi bao sau cửa Hậu An-hóa, xuống Bao-vinh, về đường Huỳnh-thúc-Kháng, vào Thành Nội, màu sắc và ánh sáng tương bừng! Nhất là ở các phố lớn Trần-hưng-Đạo, Chi-Lãng, Huỳnh-thúc-Kháng Bạch-Đặng, quả là một sự hòa hợp kỳ diệu vô cùng rực rỡ huy hoàng giữa màu sắc, âm thanh và ánh sáng, một sông Hương bừng cháy đẹp đẽ huyền ảo trong muôn hồng nghìn tía của những đốm sáng chớp chừa trên dòng sông lặng lẽ, nhấp nháy như vô số hạt kim-cương dưới chân tháp đèn « néon » ở mũi đầu Cầu Hến sáng rực như một hải-đăng. Lại thêm những dải đèn điện đủ màu sắc, trởng xa như những tinh cầu xa lạ từ đầu đến cùng phố hội Đản sinh. Con đường từ đầu cầu An-cựu đến bến xe An-cựu bay bổng lên trong ánh trắng mát dịu của những đèn « néon » gắn liền vào hai giây cây bên vệ đường, như những đóa hào quang tung ra từ một động phủ! Đèn là đèn, từ những chiếc đèn ú đơn sơ cổ điển, đến các đèn mắt trắng, trái bầu, hoa sen, ngôi sao cò truyen, đến những thứ đèn giấy, đèn xếp rất tinh xảo của Viện Hóa-Đạo, tung tăng trước gió, vô cùng hoan hỷ gia nhập đại-hội hoa-đăng, dâng cúng Tam-Bảo.

Phát thanh mừng Phật-đản

Một chương trình phát thanh rất dồi dào ý vị được các anh em văn nghệ sĩ trình bày nhiều buổi trên làn sóng điện Đài Phát thanh Huế, gồm có tin tức Phật dân, bình luận thơ văn, nhạc kịch, đặc biệt nhất là bản nhạc Trường Ca của nhạc sĩ Văn - Giảng thể nhập những giai đoạn đấu tranh của Phật giáo trong mùa pháp nạn, được thính giả nhiệt liệt đón thưởng...

Diễn kịch lễ thiên mừng...

Các đoàn thể thanh niên Thừa Thiên đã trình bày một chương trình văn nghệ đặc biệt tại sân khấu lễ thiên ở công trường Thương Bạc để mừng Đản sinh, hấp dẫn rất đông khán giả trong một niềm vui chung đại chúng và đạo vị.

Công tác Xã hội từ thiện cúng dường Phật-dân

Suốt một tuần lễ từ mùng 1 đến 8 tháng tư âm lịch, Ban Xã hội Phật-giáo Thừa thiên đã thực hiện một chương trình xã hội từ thiện khá đầy đủ kết quả.

Tại thôn quê, các khâu giúp kẻ khó làm nhà, đắp đường, làm vệ sinh, chích thuốc. Một phái đoàn Phật-tử gồm đủ các đại biểu các giai tầng trong xã hội, lao động, trí thức, giàu nghèo đủ mặt, do tăng ni lương phái lãnh đạo đã đem các tặng phẩm Đản sinh đến tặng cho bệnh nhân ở bệnh viện Huế, quân-y viện Măng cá, các sáu phụ ở các nhà hộ sinh, các anh em cau nhân ở các cái hời thất và thành tâm an ủi họ. Anh em hướng đạo sinh, sinh viên và thanh niên thanh nữ Phật-tử cũng luân phiên nhau vào bệnh viện phụ lục săn sóc cho các bệnh nhân ốm tả và đi chích thuốc phòng tả khắp nơi. Ban xã hội cũng đã tích cực diễu chỉ sát sạch trong ngày Trăng Tròn, nhờ thế mà ngày Phật Đản, có thể nói không có một miếng thịt, không có một con cá tại các chợ ở cố đô, Phật-tử ăn chay đã đành mà các đồng bào khác cũng được dịp thông cảm ăn chay luôn, càng thêm vui vẻ.

Thuyết pháp lưu động

Tại chùa Diệu Đế, Từ Đàm và khắp các lễ đài ở Huế, năm nay đều có thuyết pháp do quý Thượng Tọa, Đại đức, Tăng ni luân phiên lưu động đến thuyết giảng cho Phật-giáo-dồ các địa phương thâm nhập ý nghĩa Dân sinh.

Các giới Phật tử chuyên nghiệp luân phiên hành lễ tại chùa Từ-Đàm

Dành cho tất cả một cơ hội tốt, không quên sót một ai, các tập đoàn Phật-tử chuyên nghiệp đến chùa Từ Đàm hành lễ theo một thời khóa biểu đã được định trước, sau khi hành lễ, các Phật-tử được nghe thuyết pháp ngay tại chánh điện.

Xe hoa... thuyền rồng... phóng đưng... rước đuốc.

17 chiếc xe hoa diễn tả sự tích Đức Phật sơ sinh, hành đạo và Thành đạo nhập Niết Bàn, mô tả sự hy sinh cao cả của Bồ Tát Quảng Đức, và các vị Thánh Tăng cùng liệt thánh từ Đạo đã tập trung tại chùa Diệu Đế từ đêm 14 tháng 4 âm lịch để tham dự cuộc rước Phật ngày đại lễ. Nghệ thuật xe hoa chớm nở từ mấy năm trước, nay càng thêm vững vàng rõ rệt. Trên sông Hương, những chiếc thuyền hoa với đèn tài Đản sinh và tranh đấu Phật-giáo, đêm đến là đèn đuốc sáng trưng, buồng nhẹ mái chèo ngược xuôi giòng nước giữa đôi bờ hoa lệ của cố đô thơ mộng. Và số ngọn thủy đăng được phóng ra trên các mặt sông hồ, ánh sáng lò nhò nhấp nháy như đang trò chuyện thân ái với muôn loài. Một sáng kiến đặc biệt của Phật-tử tỉnh Quảng Trị là đã cử phái đoàn vào rước ánh sáng Dân sinh

tại chùa Từ Đàm, rước ánh sáng vào một ngọn đuốc do tay Thượng
Tọa đại diện miền Vạn Hạnh Thích Đôn Hậu châm ngọn.

Triển lãm tại giảng đường chùa Từ-Đàm và chùa Linh-Quang

Hai phòng triển lãm các họa phẩm, tranh ảnh và điêu khắc nhằm
các đề tài Phật-giáo thống nhất, Phật - giáo đấu tranh và sinh hoạt
Phật-tử đã mở cửa suốt tuần lễ Đán-sanh tại các địa điểm trên. Nhiều
họa-sĩ, điêu khắc và nhiếp ảnh gia đã gửi tác phẩm tham dự cuộc
triển lãm, đều đã nói lên được tiếng nói của Tình Thương và lòng
thiết tha bảo vệ chánh pháp.

Ánh sáng đêm giao thừa Phật-Đán

Mùa Đán-sinh năm nay, đèn Đán-sinh đã sáng lên từ nhiều đêm
trước đại lễ đề xua tan bóng tối của một đêm hải hồng ghe rợn,
đêm 20 tháng 8 năm 1963, đêm đại nạn của Tình Thương! Nhưng
ánh sáng đêm giao thừa Phật-Đán, đêm 14 tháng 4 mới thật là giải
thoát sâu xa. Mặt trời chưa lặn hẳn, mà chiếc đèn vô tận bùng sáng
lên, sớm hơn mấy đêm trước, từ từ lan rộng, như thức tỉnh nhau đây, ra khỏi
một giấc mộng dài! Muốn vạn dặm ánh sáng chen hòa trong một đóa
hào quang tuyệt mỹ!

Đêm giao thừa Phật-Đán, ít ai buồn ngủ, quây quần trong gia-
đình trước án Phật, hay tụng kinh tại niệm Phật đường, thức trọn
đêm nay, để đón lấy ánh sáng đầu tiên của ngày vĩ-đại.

Ngày vĩ đại lần thứ 2508 — Một cuộc diễn hành không lồ dài ngót 5 cây số giữa thanh tịnh trang nghiêm

Từ 4 giờ sáng, những hồi chuông trống bát nhã đã bắt đầu
chuyên động báo hiệu một bình minh vĩ đại. Các đoàn thề Phật-tử
tập trung từ 3 giờ sáng tại các khuôn hội, dần dần di chuyển đến
các địa điểm được chỉ định để chuẩn bị tham gia đoàn cung nghinh Phật.

Đoàn rước Phật năm nay có 51 đơn vị và tập đoàn Phật-tử
tham dự, tập trung đứng hàng 6 từ công trường Phu Văn Lâu, đến
đường Trần Hưng-Đạo, đường bờ sông chợ Đông-Ba, thẳng xuống
đường Chi - Lăng, Bạch - Đằng, Tổ hiệp Thành, thẳng dài tùm tắp
người là người nối tiếp nhau vô hồi vô tận! Không có đám đông
không lồ nào gồm hàng chục vạn người mà kỷ luật phẳng phất như
thẻ, Thật không có thứ kỷ luật nào bằng kỷ luật tự giác trong đạo
vì, tất cả đám đông trùng điệp kia được điều khiển bởi Tình Thương.

Một xe phóng thanh đứng đầu đoàn rước trước cầu Trường Tiền hướng dẫn lễ cung nghinh và giới thiệu từng tập đoàn Phật-tử.

Bộ phận dẫn đầu đám rước gồm có quốc-kỳ và giáo-kỳ, biểu ngữ mừng Phật-dân, tràng phan và tràng hoa, các Phật-tử dẫn đầu trong các bộ lễ phục trang nghiêm. Lần lượt 51 tập đoàn Phật-tử, trong số có 17 xe hoa, nối bước diên hành. Tham dự lễ cung nghinh có ban nhạc của Phật-tử Bảo-an, các Gia-đình Phật-tử, 4 ban cổ nhạc, các đoàn thể Phật-tử Quân cụ, Sinh-viên, Quân khu Tu-Bồ, Quân nhân, gồm có một phái đoàn các em thiếu sinh quân từ Saigon về dự lễ, và đại biểu các đơn vị sư đoàn cùng các đơn vị hỗn hợp, học sinh Phật-tử, Phật-tử Đại-đội Hành-chánh, Hướng-đạo Phật-tử, tín đồ Nam tông và ngoại kiều. Trung Tâm Cải huấn, Phật-tử Phú hòa, Phú nhuận, Thủy điện, tiêu thương Phật-tử các chợ Đông-Ba, An-cựu, Bến-ngự và các chợ khác ở Huế. Phật-tử các khuôn Thuận-hóa, Phú-hòa, An-lạc, Tịnh-blah, Vĩnh-nhơn, Phú-lâu Thương-lạc, An-lãng, An-cựu, Ngụ-Bình, Xuân-an, An-phước, Thành-nội, Tây-lộc, Tây-linh, Cát-tường, Phú-Thạnh. Đặc biệt năm nay, lần đầu tiên, anh chị em công chức Phật-tử và giáo chức Phật-tử tham gia đám rước rất đông đảo trên cương vị đoàn thể chuyên nghiệp, hoàn toàn tự do cõi mở không còn e ngại áp lực xâm phạm và hạn chế sự biểu dương tự do tín-ngưỡng như trước nữa. Ngoài ra, năm nay là lần thứ nhất mà các đoàn Phật-tử chuyên nghiệp của anh em công nhân và lao động được thành lập và tham dự diên hành, bên các đoàn thể bạn, không buồn tủi vì lẽ loi lạc lỏng nữa: đó là đoàn Phật-tử xích-lô nghiêm trang trong bộ quốc phục đơn giản áo dài đen quần trắng, thứ đến là các đoàn Phật-tử thợ mộc, cố gắng rất nhiều với bộ đồng phục sơ mi trắng sơ xanh, rồi đến thợ may, thợ dày, thợ điện, thợ vàng. Các anh em làm lụng vất vả đầu tắt mặt tối cũng thành lập thành đoàn thể Phật-tử chuyên nghiệp cùng tham gia rước Phật, đó là anh em lao công khuân vác, vận tải. Tất cả đều được một cơ hội đề vương mình về phía ánh sáng của Tình Thương, trong vinh dự và hoan-hỷ.

Đoàn diên hành lần lượt vượt qua cầu Trường tiền, và khi đi ngang qua trước lễ đài các Thánh-tử đạo ở trước đài Phát-thanh Huế, mọi người đều tâm thành hướng vào dâng lời cầu nguyện, riêng anh chị em học sinh đã quỳ mọp giữa đường dành lễ chư Thánh-tử, gây xúc động mạnh mẽ, làm cho ai nấy không ngấn được giọng lệ thương cảm và tri ân. Đặc điểm trong đám rước Phật năm nay, có một số đồng bào trước kia vì một lễ này hay một lễ khác đã phải theo ngoại đạo, thì nay đều trở lại hàng ngũ Phật-giáo đồ, và cùng hân hoan và cõi mồi. Có một số đồng đồng bào khác tuy chưa gia nhập chính thức đại gia đình Phật-giáo mà đã tích cực biểu dương tinh thần hộ pháp trong mùa pháp nạn và đang tâm thành đứng xếp hàng bên vệ đường cung chiêm đoàn rước Phật.

Hơn 8 giờ, đoàn dẫn đầu đám rước đã vào đến sân chùa Từ-dâm mà vẫn còn 14 khuôn hội Phật-tử chưa qua khỏi cầu Trường-

tiên! Từ đỉnh cao dốc Nam-giao nhìn xuống, mới thấy cảnh tượng hùng vĩ của cả một thành phố Huế, có thể nói cả một tỉnh Thừa-thiên đang đổ xô về lễ Đản-sinh. Một thác người cuộn sóng đổ lên ngôi chùa lịch sử Từ-đàm, nơi xuất phát cuộc đấu tranh vĩ đại vì chính pháp... Ôi, sức mạnh vô biên của tín-ngưỡng! Lực lượng vô địch của Tinh Thượng!

Trên lễ đài chính thức chùa Từ-Đàm, một đạo hữu điều khiển máy vi âm trực tiếp truyền thanh đại lễ Phật đản qua làn sóng điện của Đài Phát thanh Huế, những đơn loa được đặt suốt đường Nam giao dài tằm tấp dề cho các tập đoàn Phật-tử vì đồng đạo quá chưa đến kịp cũng có thể đứng yên tại chỗ để theo dõi và hầu đại lễ.

9 giờ, phái đoàn Quân Dân Chính đến nơi, thì cuộc lễ chính thức bắt đầu, do Hòa - Thượng Thuyền Tôn chủ lễ, quý Thượng Tọa Đại-Đức Nam tôn Bắc tôn hành lễ trên lễ đài. Dưới chân lễ đài, hai hàng Tăng Ni khác đứng tịnh niệm. Chuông trống bát nhã trời dậy nhả nhạc bát âm vang lên, lễ Phật Đản 2508 trang trọng và thanh khiết sử dụng trong, tiếng tụng kinh của hàng chục vạn Phật tử; tiếp theo là những lời cầu nguyện bằng tiếng Pali do các tu sĩ và tín đồ Nam tôn hòa giọng. Đại lễ đã diễn ra trong bầu không-khí thanh tịnh trang nghiêm tuyệt đối, giữa một biển người ngoài sức tưởng tượng mà vẫn nghe được tiếng thờ đều hòa của mỗi người mộ đạo đang hiến cúng tất cả cho Đản sinh. Bản thông điệp của Đức Tăng Thống chúc từ Đản sinh 2508 của Viện-Hóa-Đạo được truyền tụng đọc trong buổi lễ. Tiếp đến là lễ tưởng niệm các Thánh Lữ Đạo và chư Thánh Tăng vị pháp thiêu thân, toàn thể Phật-giáo-đồ im lặng trong ba phút cầu siêu thoát cho những người son ưu tú nhất của Đức Thế Tôn.

Những đoàn thể Phật tử lần lượt diển hành qua lễ đài cúng Phật, và buổi đại lễ chấm dứt vào lối 11 giờ. Suốt ngày râm, nỗi mừng Đản sinh triều miên lan rộng đến mọi cõi lòng. Từng đoàn người lũ lượt trải hội Đản sinh vãn cảnh khắp các chùa chiền lạ Phật.

Đêm rằm tháng tư, cố đô Huế là cả một bề ánh sáng, vời hàng triệu diêm linh quang, vời hàng chục chiếc xe hoa hòa quang tua tủa... Đêm nay đại hội hoa đăng sáng quá... đêm nay trăng tròn sáng quá... .

Chưa có một đại lễ nào biểu dương được trọn vẹn tính cách dân tộc và hòa đồng đại chúng như đại lễ Đản sinh, chưa có một đại lễ vào hoàn toàn hoan hỷ nhận nhip vui tươi mà không cần đến rượu thịt! Vì đây là đại lễ của Tinh Thượng, của Trí Tuệ, của Hòa hợp và lễ phải...

Bầu trời tháng tư, trăng tròn tháng tư! Tất cả ngập trong hương hoa, màu sắc, ánh sáng, tất cả rung động trong tiếng tụng kinh, trong tiếng chuông trống, trong âm nhạc, trong niệm lành Bầu trời tháng tư cảm hóa đến Trăng Sao! Bởi vì, ánh sáng rằm tháng tư tỏa rạng vô biên vô tận để nói lên ý nghĩa ngày Xuất thế của Đức Thế Tôn trước sau cũng chỉ vì một mục đích duy nhất: TÔ NGỘ CHÚNG SINH ...

ĐIỂM BẢO

BÁO CHÍ TRONG NƯỚC VÀ NGOẠI QUỐC
trước ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2508 tại Thủ Đô Sài Gòn

ỦY KHANH

HÀU hết báo chí thủ đô đã nhiet thành dành trang nhất trong mấy số liên tiếp, với những hàng chữ tit lớn, đề tường thuật về đại lễ Phật-Đản 2508 tại thủ đô Sài Gòn kèm theo rất nhiều hình ảnh linh động. Một số Tuần báo, bán nguyệt đã cho ra những số đặc biệt kỷ niệm Đản sinh như Văn, Lập-Trường, Phở - Thông, Bách-Khoa, Văn - nghệ v. v... và rất nhiều nhật báo như: NGÀY NAY, TIA SÁNG, DÂN TA v. v..

Nhận xét và cảm tưởng chung của các báo thủ đô, là lễ Phật-Đản 2508 tại thủ đô năm nay là một lễ Phật-Đản lịch sử, đông đảo và vĩ đại tưng bừng nhất chưa từng thấy trong thế kỷ này. Các báo cũng đề cập đến sức mạnh tinh thần đang lên của Phật-giáo Việt-Nam, tinh thần yêu thương, đoàn kết và thống nhất của Phật-giáo không thể nào bị chia rẽ phân tán phá hoại được.

Nhật báo Ngày Nay viết: « Lễ Phật - Đản năm nay có thể coi là một ngày tưng bừng rực rỡ nhất trong lịch sử Việt-Nam trong ngót một thế kỷ nay kể từ ngày Pháp đặt nền đô hộ lên đất nước ta... Đây là ngày vĩ đại ít có trong lịch sử biểu dương sức mạnh đoàn kết của dân tộc ».

Nhật báo Dân Ta cũng đồng quan-điểm với Ngày Nay viết: « Lần đầu tiên trong lịch sử nước nhà, tại đó thành Saigon, nửa triệu người hoan hỷ dự lễ kỷ niệm ngày Xuất thế của Đuro Phật, quan khách ký giả và nhiếp ảnh viên cùng Phật-tử đồng quy ngay trên vệ đường, nhập từ bi quán, tiếng niệm Phật vang động một góc trời..., tiếp theo là một cuộc diễn hành Phật-Đản vĩ đại nhất từ xưa đến nay... Lễ rước ánh sáng tưng bừng thủ đô với trên 40 chiếc xe hoa, hàng ngàn ngọn đèn sáng rực giữa khói nhang, và vô số bàn hương án bày hai bên vệ đường ».

Báo Dân Chủ mô tả quang cảnh huy hoàng Phật-Đản tại thủ đô như sau: « Từ 5 giờ sáng, hàng trăm ngàn Phật-

tử tề tựu quanh lễ đài giữa rừng cờ và biểu ngữ rực rỡ, hàng ngàn trái bong bóng và chim bồ câu được thả lên trời biểu hiệu hòa bình và niềm tin mới của Phật-giáo, trong lúc ấy, một chiếc máy bay lượn trên không phạn lễ đài rải bông hoa và khẩu hiệu của Phật-giáo ».

Một tả lòng nhiệt thành mộ đạo của các giới đồng bào, đặc biệt là giới quân nhân Phật-tử, nhật báo Dân-Chúng viết : » Quân nhân Phật-tử cùng hàng ngàn đồng bào đứng dầm mưa nghe thuyết pháp dưới Phật-Đài bên Bạch-Đằng. Dẫu vậy hầu hết vẫn chịu lạnh dầm mưa cheu nhau đứng giữa trời để nghe nốt bài-giảng. Nhiều người ngoại-quốc tỏ vẻ ngạc nhiên thấy lòng sùng đạo của số người chen nhau dưới trời mưa gió. »

Sự hòa đồng bình đẳng giữa các tầng lớp Phật tử trong ý niệm hiến cúng Đức Phật cũng đã được báo Dân-Chúng diễn tả như sau : » Sáng sớm tinh sương, trời còn lạnh, từng hàng vạn đoàn người cờ Phật cầm tay, biểu ngữ cần thẳng nghiêm chỉnh và hiền lành tiến về bao quanh Phật đài... Quân đội chiếm trọn lộ Hàm Nghi, ngoài ra các đoàn thể khác như Sinh viên Phật tử, Học sinh P. T. Thiếu nhi P. T. Lao động công nhân P. T. văn văn, và hương đạo P. T. đứng sau hết, .. Hàng vạn người chấp tay cầu nguyện.

Nhật báo Miền Nam, đặc biệt nhìn đến khía cạnh đại đoàn kết chặt chẽ của Phật-giáo, đã nói lên những nhận xét như sau : « Ngày Phật-Đản 64 : Ngày đại đoàn kết và tình thương. Bao nhiêu âm mưu lợi dụng lễ Phật Đản để gây chia rẽ hàng ngũ dân tộc đều bị đẩy lui, trước tình thần từ bi hỷ xả của toàn thể Phật-giáo đồ và tình thông cảm giữa các tôn giáo. Chim hòa bình bay trắng thủ đô, biển người tràn ngập Saigon ». Và báo Miền Nam đã kết luận : « Phật đản được tổ chức trọng thể phải chăng là sự thành công vừa lớn lao vừa lâu dài của Cách-mạng tháng 11 đã hiến dâng cho dân tộc, Phật đản mang lại cho ta niềm tin tưởng mãnh liệt về tương lai loài người đánh đổ hoai nghi, xây dựng hòa bình trong vinh dự và trật tự thiêng liêng. »

Diễn tả bầu không khí trang-bùng, hoan-hỷ hy-hữu của lễ Đản sinh, nhật báo Chính-Luận viết : Nửa triệu

Phật tử từ bốn phương kéo về lễ đài như thác cuốn mừng ngày Trăng Tròn tháng Vesaka với sự tham dự của các tôn giáo bạn... Đò thành bưng lên trong hội lửa, tiếng tụng kinh vang âm đi khắp nơi, các cụ già đầu tóc bạc phơ chạy theo các xe hoa không biết mệt. Bao nhiêu năm rồi, có lẽ đã từ lâu lắm, bây giờ mới thấy có một ngày đông vui như thế.

Nhật báo Tia Sáng tán thán đại lễ Phật đản : Ba trăm ngàn Tăng Ni Phật tử và ngoại giao đoàn tham dự chánh lễ Phật-đản. Chắp tay nhìn lên vùng khói hương nghi ngút người ta chạnh nhớ đến hình ảnh bất diệt của cố Hoà-Thượng Thích Quảng-Đức mở ngõ khai đường cho ngày tái hưng Phật giáo Việt Nam. Lễ Phật đản 2508 diễn ra trong một trật tự tuyệt đối và xây dựng trên một tinh thần tự giác tâm thành.

Nhật Báo Thời Đại chú ý đến những công tác xã-hội từ thiện sâu rộng và cụ thể của các giới chuyên nghiệp Phật tử tại thủ đô. Thời Đại viết: nhân tuần lễ Phật đản nhiều phái đoàn trong số có quân nhân, Phật tử, công chức, phụ nữ Phật tử, học sinh, sinh viên đã đến thăm và tặng quà lá tại các bệnh viện...

Báo Tự-Do cũng hòa đồng với niềm vui Phật-Đản trong một ý niệm đoàn kết tôn-giáo rất tình cảm và trí thức. Báo Tự-Do viết: 80.000 đồng bào thủ-đô diễn hành mừng Phật-đản, thủ-đô đã sống một đêm giao thừa tung bưng và chờ đợi, một bầu không khí đạo giáo bao trùm đó-thị xa hoa. Một cuộc tập hợp vĩ đại chung quanh hoa tru-đàm dựng cao chót vót trên bờ sông Saigon, Một đêm giao thừa của Phật-giáo thủ-đô và toàn quốc, một khung cảnh đạo giáo trang nghiêm và huyền bí của các thủ-đô Phật-giáo Tích-Lan và Miến-điện. Tưởng chừng như cả đô-thành Saigon đã thức giấc để chào đón ngày giáng thế của Đức Phật Từ-Bi.

Nhật báo Hành Động thì nhận thấy Phật-Đản tại thủ-đô năm nay có một tầm quan trọng quốc-tế. Hành động viết: Đô thành, Saigon như một rời sao lấp lánh trong ngày lễ Phật-Đản. **Lớn nhất thế-giới kể từ xưa đến nay...** Đây là lễ Phật-Đản, đầu tiên đượm màu tự-do thực sự...

Nhật báo Quyết Tiến viết về số lượng Phật-tử tham dự đại lễ Đản sinh ở Saigon rằng: Đó là một con số khổng

lở bỏ xa tất cả những ngày hội lớn từ trước đến nay con số hàng triệu đã ước lượng.

Và còn rất nhiều báo khác nữa cũng đều lên tiếng tán dương Phật-Đản và tinh thần của Phật-giáo-đồ.

Và báo chí ngoại quốc cũng đã đề cập đến Phật-Đản 2508 tại Saigon, với nhiều thiệu cảm. Tờ TIME, số ra ngày 5-6-64 có thái độ rất dè dặt đối với Phật-giáo Việt - Nam, cũng đã viết những giòng như sau: Lối 6 giờ sáng, một đám đông 50.000 Phật-tử đã lễ tự đến lễ đài làm lễ Đản - sinh. Người ta chen vai nhaut dưới một lễ đài cao 120 bộ Anh. Mọi người thành kính cầu nguyện trong khi một đồng ca thanh nữ hợp tấu các bản thánh ca... Đoàn là một cuộc diễn hành, với quả tim Bồ-Tát Quảng-Đức dẫn đầu, xuyên qua thủ - đô trong khi những đoàn bồ câu và chim sẻ được phóng sanh. Cùng lúc ấy, bay lượn trên đầu người hàng ngàn đĩa giấy tượng trưng cho bánh xe pháp luân. Đứng dọc hai bên đường, có lối 250.000 người cùng chiêm ngắm rước. Khi Phật-tử cử hành lễ Phật - đản 2508 và kỷ niệm đệ nhất chu niên cuộc vận động Phật - giáo thăng lợi của họ. Phật-giáo-đồ Việt-Nam đã tự chứng minh rõ rệt họ là một sức mạnh đang lên tại miền Nam Việt Nam.

Chúng ta có thể tam kết luận mà không sợ sai lầm là đại lễ Phật - Đản 2508 quả thực đã gây được một tiếng vang hùng lực và từ bi trong quốc nội và hải ngoại.

GỚI THIỆU SÁCH MỚI

Liên Hoa Nguyệt San vừa nhận được quyển TRƯỚC CON SÓNG GIÓ Tập I, do Ban Hướng Dẫn G.Đ.P.T. Trung Phần tặng.

Sách ghi lại những mẫu chuyện đấu tranh của G.Đ.P.T. trong cuộc vận động đòi bình đẳng tôn giáo vừa qua từ vụ bị đàn áp ở đài Phát thanh Huế, vụ bị ném lựu đạn a cit tại cầu Bến Ngự, đến những cuộc tấn công Từ Đàm, Diệu Đế trong ngày 21-8-63.

Sách do Thượng Tọa Thích Trí Quang viết lời giới thiệu, trong đó có đoạn :

« Tôi ước mong G.Đ.P.T. đọc tập sách này như một người tự nhìn vào gương soi để thấy hình ảnh chính xác của mình. Cũng một ước mong đó, tôi xin đặt ở các giới Phật tử khác ».

TRƯỚC CON SÓNG GIÓ gồm 12 truyện ngắn, 11 bức ảnh, dày 156 trang, giá bán 35\$00. Có bán tại các Ban Hướng Dẫn G.Đ.P.T. các Tỉnh, các hiệu sách Tân Hoa, Văn Hóa, Liễu Quán (Huế). Liên Hoa Nguyệt San xin hân hạnh giới thiệu cùng quý vị đọc giả.

Thông cáo

Đề bảo đảm giá trị và sự xử dụng những vấn bằng do Viện Cao-đẳng Phật-Học sẽ cấp trong tương lai, Viện Hóa-Đạo quyết định dành quyền ưu tiên cho Sinh-viên tốt nghiệp Viện Cao-đẳng được ứng tuyển vào các chức vụ trong các cơ quan giáo dục và xã-hội của Giáo-Hội Phật-giáo Việt-Nam Thống-Nhất.

Mặt khác, tưởng cũng nên lưu ý Sinh-viên biết thêm rằng hiện Ban Quản-Trị Viện Cao-Đẳng Phật-Học Saigon đương dự trù mở rộng Viện Cao-Đẳng thành Viện Đại-học Phật-giáo với 3 phần khoa: Phật-Học, Văn-Khoa và Ngoại ngữ. Ngoài ra, hiện Viện Cao-Đẳng cũng đương điều đình với các Đại-học trong nước và ngoài nước đề trao đổi Sinh-viên, lập giá trị tương đương giữa các vấn bằng của Viện và của các Viện Đại-Học ấy.

Viện - Trưởng Viện Hóa - Đạo

THÍCH - TÂM - CHÂU



VỀ VẤN ĐỀ PHÁT HÀNH LUẬN-VĂN TIẾN-SĨ CỦA T.T. THÍCH-MINH-CHÂU

Ban tu-thư Viện Cao-Đẳng Phật-Học Saigon đang cho in Luận Văn Tiến-sĩ Triết-Học của T.T. Thích Minh-Châu. Luận-Văn này nhan đề là: « A comparative study of the Chinese Madhyama Agama with the Pali Majjhima Nikaya » (so sánh quyền Trung A-Hàm chữ Hán với quyền Majjhima Nikaya chữ Pali) : Tập này so sánh những điểm dị đồng giữa quyền Trung A-Hàm thuộc phái Nhất-Thế Hữu Bộ và quyền Majjhima Nikaya thuộc phái Thượng-Tọa Bộ.

Lần đầu tiên hai Bộ kinh quan trọng nhất của hai học phái quan trọng nhất được so sánh không những từng bài kinh một, từng đề-tài một mà cả đến cách bố cục cả bộ kinh và từng bài trong kinh.

Trong bài tựa của bộ kinh này, tác giả lại phân-tích tỉ-mỉ những điểm dị đồng quan trọng về lý-thuyết của hai học phái để giải thích những điểm dị đồng hiện-tại về thực hành và truyền-thống. Ngoài ra, tác giả có phụ-dịch một quyền tự-diễn nhỏ « Pali — Hán — Anh » tự tác giả trích ra từ hai quyền Trung A-Hàm và Majjhima Nikaya gần hai ngàn chữ). Luận Văn này đã được Đại-Học Đường Bihar Ấn-Độ công nhận trúng-tuyển văn bằng Tiến-Sĩ Triết-Học Ph. D vào năm 1961. Tập này viết bằng Anh ngữ, phụ đính rất nhiều chữ Sanskrit, Pali và Hán văn. Sách in khổ 15, 5 X 23, 5 dày khoảng 350 trang, giá 500\$. Giá ủng hộ tùy tâm. Những vị đặt tiền trước chỉ phải trả 400\$.

Luận văn này đã bắt đầu in và sẽ xong và khoảng thượng tuần tháng 7 dương lịch. Thư từ liên-lạc và ngân phiếu xin gửi cho.

Ông Trịnh-văn-Sâm

*Ban Tu-Thư Viện Cao-Đẳng Phật-Học Saigon
702/105, đường Phan thanh Giản Saigon*

TIN TRONG NƯỚC

Kỷ-niệm đệ nhất chu-niên vị pháp thiêu thân của Hòa-Thượng Quảng-Đức. — Lễ kỷ-niệm cố Hòa-Thượng được cử hành trọng thể tại Trung-tâm Quảng-Đức Viện-Hóa-Đạo Saigon và khắp các Giáo-Hội Phật-giáo các tỉnh.

Đặc biệt ở Huế ngoài những nghi lễ long trọng, còn có phát thanh lại những tài liệu về Ngài nhất là những phần ứng của các nước Cao-Miền, Pháp, Mỹ, Úc, Tích-Lan... qua các bài bình luận được ghi vào máy ghi âm thâu ở các đài từ năm ngoái khi Phật-giáo còn vận-động 5 nguyện vọng và liên tiếp 15 ngày ở các địa điểm lớn trong tỉnh chiếu phim Phật-giáo và nói chuyện về thân thế và phân tích rõ hạnh vị pháp thiêu thân của Ngài. . .

Đại-hội Gia - đình Phật-tử V.N. — Đề thống nhất hình thức, đường lối và tinh-thần của Gia-đình Phật-tử Việt-Nam, một đại-hội Huỳnh-trưởng Gia-đình Phật-tử toàn quốc sẽ được triệu tập tập tại Saigon (Trường nữ Trung học Gia-Long) vào những ngày 28, 29 và 30 tháng 6 năm 1964.

Chương trình nghị sự

- 1) Thảo-luận nội-quy Gia-đình Phật-tử

- 2) Quy - chế Huỳnh - trưởng
- 3) Gia-đình Phật-tử Nông-thôn
- 4) Ngành nữ trong Gia - đình Phật - tử
- 5) Chương-trình hoạt-động của G.Đ.P.T.
- 6) Bầu Ban Hướng - Dẫn Trung - Ương.

Ban Xã-hội Phật-giáo Thừa-Thiên.

Huế ngày 9-6-1964: Chủ-Nhật 7-6-64 vừa rồi các toán Y-tế lưu động, của Ban Xã-hội Phật-giáo Thừa-Thiên gồm 30 nam nữ Phật tử đã về Quận Phú-Lộc chích ngừa dịch tả cho đồng bào tại 3 địa điểm sơ-cước là Lộc-bồn, Lộc-Thủy, Lộc-Trụ và 1 thùng lúng hèo lánh gọi là Bình - An cách Huế 50 cây số. Kết quả sau 1 ngày hoạt động là đã có trên 1 vạn đồng bào đã được chích ngừa có giấy chứng nhận và được chỉ dẫn phương pháp vệ-sinh phòng ngừa trong việc ăn uống hằng ngày. Trước đó hầu hết đồng bào các vùng nói trên đều chưa được chích ngừa nên công-tác khẩn cấp này sẽ chặn đứng được cho các miền Phú Lộc, khỏi nạn dịch tả từ Quận Vinh-Lộc tràn sang.

Kết quả tổng quát đã thu hoạch được từ khi bắt đầu chiến dịch

này thì trong mấy tuần vừa qua với sự hỗ trợ phương tiện của Ty Y-Tế Thừa-Thiên tổng cộng đến ngày hôm nay, Ban Xã-Hội Phật-giáo Thừa-Thiên đã trực tiếp, đảm nhận chức ngừa dịch tả gần 7 vạn đồng bào (kể cả ở các Bệnh xá Phật-giáo) ở tại nhiều nơi trong Đô-thị Huế, các miền phụ cận và thôn quê.

Ngoài ra từ khi nạn dịch tả bắt đầu hoành hành cho đến nay, một số đông Ni-cô thuộc các chùa và nam nữ Phật-tử thuộc các Đoàn Gia-đình và học sinh Phật-tử hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Xã-Hội Phật-giáo đã tổ chức nhiều toán luân phiên thường trực tình nguyện đến cộng-tác hàng ngày với quý vị nhân viên Y - Tế trong việc chăm sóc các đồng bào mắc dịch tả đang điều trị tại Bệnh viện Huế.

Hiện nay, ngoài các hoạt-động khác, Ban Xã-Hội Phật-Giáo Thừa Thiên vẫn cố gắng tìm phương tiện để có thể tiếp tục hoạt-động không ngừng cho chiến dịch phòng ngừa dịch tả này trong trong suốt mùa viêm-nhiệt.

TIN THẾ GIỚI

Trung Tâm nghiên cứu Mỹ thuật Phật-giáo

Tháng giêng dương lịch vừa qua, Trung Tâm nghiên cứu Mỹ Thuật

Phật-giáo Á-châu đã cử hành lễ đệ tam chu niên ngày thành lập tại trụ sở của Trung Tâm ở thành phố Battaramulla ở Tích-Lan, chương trình buổi lễ gồm có những hoạt-động Phật-giáo, triển-lãm, chiếu bóng và thuyết-pháp.

Phật-giáo bách khoa tự điển bằng Pháp ngữ.

Các nhà học giả Pháp và Nhật dự định hoàn thành một cuốn Phật-giáo bách khoa tự điển vào năm 1968. Đã có ba tập trong toàn bộ 16 tập đã được hoàn thành trong những năm 1929 đến 1937, nhưng những công trình đã phải bỏ dở vì đệ nhị thế chiến xảy đến.

Cuốn bách khoa tự điển này được đặt tên là Hobogin và sẽ là một tác phẩm tổng quát về mọi phương diện của Phật-giáo gồm cả căn bản triết học Phật-giáo và mọi lý thuyết về giáo-pháp và lịch sử Phật-giáo.

Tây chay mọi hàng hóa dùng hình ảnh Phật làm nhân hiệu.

Nhiệm đoàn phụ thuyền khuôn vác ở hải cảng Colombo của Tích Lan đã quyết định tây chay mọi hàng hóa mang nhân hiệu hình ảnh Phật. Trước đây, nhiệm đoàn đã khuyến cáo các nhà nhập cảng không nên nhập nội hàng hóa như vậy, sau khi dân chúng đã công khai phản đối. Nhiệm đoàn đã yêu cầu

Bộ Thương Mãi tập kê khai những loại hàng hóa đó

Hội Văn Hóa và Mỹ thuật Phật-giáo ở Hương cảng

Nhằm mục đích phát triển trong tương lai, hội văn hóa mỹ thuật Phật-giáo Hương cảng đã được chánh thức ghi nhận là một hiệp-hội không có chủ trương thương mại, và đã thu nhận các tặng và cư sĩ làm cố vấn và giám đốc. Hội đã được chánh thức thừa nhận là một đoàn thể có pháp-lý từ năm 1960 cũng từ năm đó hội đã nhờ đài phát thanh hương cảng đề phát thanh những chương trình ca nhạc và thuyết pháp Phật-giáo

Phật-giáo tại Tiệp-khắc

Bác-sĩ Karel Wer ở Brno đã cho biết hiện đang có dự định

thành lập một nhóm Phật-tử tại Tiệp khắc. Bác sĩ đã viết cho hội Phật-giáo Thế giới : » Chắc các ông cũng lấy làm thích mà biết rằng tại Tiệp khắc cũng có một nhóm Phật-tử. Thật vậy trước đệ nhị thế chiến tại nước này đã có một nhóm Phật tử. Nhưng sau đó đã bị quân đội Đức giải tán trong thời kỳ chiến tranh. Chiến tranh kết liễu, không có tổ chức nào nữa, nhưng hiện nay chúng tôi đang cố gắng thành lập một nhóm Phật-tử tại Brno. Việc này đòi hỏi thời gian nhiều tháng trong khi chúng tôi đợi chờ thái độ của chính quyền trung ương, chúng tôi ước mong sẽ được giấy phép đề thành lập.



Phật-Tử nên dùng và cổ-động :

- **Hương Giải-Thoát**
- **Vị-trai lá Bỏ-Đề**

DO PHẬT-HỌC-VIÊN SẢN-XUẤT

In tại Nhà In LIÊN-HOÀ, 1 Kiệt Từ-Quang, đường Lam-Son — HUẾ